

ĐÓA SEN NGÀN CẢNH THIÊN TRONG TỊNH ĐỘ



Nhã Lan Thư

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 08-08-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

HOA TRONG THIÊN
TRÀ TRONG ĐẠO VỊ
LUNG LINH ÁNH NGỌC NƠI ĐIỆN PHẬT
DÒNG SUỐI TỪ BI
ĐẠT MA ĐẾN PHƯƠNG TÂY
KHU VƯỜN DƯỢC VƯƠNG
LỜI THIÊN CỦA ĐÁ

---o0o---

*Sáng nay trên những con đường còn băng giá
Tôi chợt thấy mùa xuân trên vạt cánh sen hồng tía...*

Tôi say sưa ngắm nhìn cảnh tượng sáng ngời trước mắt tôi, những cành cây
trơ trụi của mùa đông bây giờ đã khoác lên mình những hoa lá trắng mềm

mại. Cả cảnh vật như chìm trong màu sáng tinh khôi của mùa đông băng giá. Trong giây phút đó mọi vật dường như ngừng lại, như từ vô thủy chưa bao giờ thay đổi. Dù thực hay mộng ảo, giữa cõi này hay cõi kia có gì khác không? Giòng tâm tư tôi không ngừng tại đó, vẫn cuộn cuộn, vẫn trôi chảy như từ kiếp nào, giữa bờ thực hư đó, theo thói quen của cuộc sống hiện tại tôi đưa tay nhấn nút, bỗng lời đối đáp giữa Jhon Blofeld và thiền sư Hư Vân vang lên (xin nghe đoạn này trong cuốn [Ngọc Sáng Trong Hoa Sen](#), phóng tác bởi Nguyễn Phong).

Tôi xin giản lược dưới đây:

Bạch hòa thượng thiền tông chủ trương giáo ngoại biệt truyền bất lập văn tự. Vậy chùa này tu thiền sao còn dạy tu Tịnh Độ.

Hòa thượng Hư Vân:

Tại sao lại không? chúng tôi có dạy tu Thiên, tu Tịnh Độ, cầu siêu, sám hối...

Jhon: Như vậy có mâu thuẫn không? Một trung tâm dạy Thiên lại tu Tịnh Độ.

Hòa thượng bật cười thích thú trước câu hỏi của Jhon:

Mâu thuẫn hả. Không đâu. Đức Phật dạy bốn vạn tám nghìn pháp môn không ngoài mục đích cứu khổ.

Ngài mỉm cười:

Này thí chủ sao lại chấp trước phân biệt, khi đã hiểu và vượt lên đối đãi nhị nguyên thì tâm Phật và chúng sanh là một, vì tâm Phật và chúng sanh vốn không hai. Khi những người dân quê hiền lành chất phác đến nghe ta giảng pháp, phải chăng ta sẽ giảng cho họ những gì, về thực tại vô ngã, về tánh không, hay đối đãi nhị nguyên...thì họ không thể hiểu, đều là những danh từ trống rỗng, những điều này có ích lợi gì với họ. Nhưng nếu ta nói về hạnh nguyện tiếp dẫn của đức phật A Di Đà và cõi tây phương cực lạc của ngài thì họ sẽ hiểu, sẽ tin và phát tâm tín nguyện mong được sinh về cõi đó. Họ sẽ suốt ngày trì niệm hồng danh của ngài khi đi cây, đi cấy, khi làm ruộng, khi nghỉ ngơi, khi tưới nước, khi gặt lúa... Họ sẽ trì niệm cho tới khi nhất tâm bất loạn thì cái ảo ảnh nhị nguyên của vô minh, cái tâm phân biệt có chúng sanh có chư phật sẽ chấm dứt, họ sẽ chứng ngộ được thực tại màu nhiệm

ngay. Điều người ta gọi là tha lực tiếp dẫn của Đức Phật A Di Đà, gọi là thiên, hay gọi là nhất tâm bất loạn thì điều này có khác biệt gì đâu. Cái khả năng giải thoát mà người ta cho rằng vốn ở bên ngoài tức là tha lực thực ra vẫn ở bên trong tức là tự lực lúc nào cũng sẵn có kia mà. Đến khi đó tôi bắt đầu hiểu được ý ngài.

Trên đây là đoạn đối thoại giữa một thiền sư Trung Hoa và một học giả Tây Phương vào đầu thế kỷ thứ hai mươi đã rọi sáng trong tâm tư tôi những vướng mắc vào ngôn từ của đối đãi nhị nguyên, những rắc rối của triết lý trừu tượng đối với sự đơn thuần nơi con người chất phác của đất. Đạo Phật của hương trầm thơm ngát chôn đền đài vua chúa chói ngời vàng son giờ đây đã ngang hàng với những người nông dân tay lấm chân bùn, những con người nơi chôn quê mùa dân dã hàng ngày vật lộn với cuộc mưu sinh tầm thường, đã nhờ một lão sư giấy cỏ áo nâu đạm bạc điềm ra mà giờ đây giữa Thiền và Tịnh Độ là một. Thật vui mừng thật hạnh phúc khi lão sư Hư Vân nhẹ nhàng tuyên nói: nhờ niềm tin thành kính vào danh hiệu Đức Phật A Di Đà mà những con người muôn đời nghèo khó từ vật chất đến tinh thần đã bước vào hào quang của lý Bát Nhã bát ngát mênh mông. Niềm hy vọng mà Như Lai đã đem đến cho xứ Ấn với muôn đời giai cấp, và lúc này đây lại nở tung ra tại đất nước Trung Hoa của những cao nhân ẩn sĩ đầy minh triết.

Đạo Phật từ ngàn xưa đã là một đạo của ngành xã hội học tân tiến vì dân nhất, đâu đợi ngày nay nơi xã hội phương tây qua nhiều cuộc cách mạng đẫm máu mới tìm thấy. Đạo Phật đã đặt nơi con người lòng thương xót vô cùng tận, cho những con người chưa từng được nghe được hiểu những gì cao xa đẹp đẽ như ngọc vàng lóng lánh nơi đền đài kia, giờ đây đã hóa thân như áng mây nơi đồng nội, như bông sen nơi hồ nhỏ thơm hương của đạo lành. Trong lúc đó tôi chợt nhớ đến người bạn da đen, bà ta là một người da đen nhỏ nhắn luôn nở nụ cười an lạc. Khoảng mấy năm trước, việc làm chuyển tôi tới một khu học chính khác, chuyện đầu tiên là tôi phải liên lạc với chuyên viên phụ trách về học vấn cho những trẻ em mà gia đình nghèo nhất xứ sở này. Những trẻ em không có bố và mẹ thì bị tước quyền vì lạm dụng những chất độc của ma túy. Tôi định ninh người tôi gặp sẽ là một con người to lớn, giọng nói ồm ồm và luôn căng thẳng vì hàng ngày phải đối diện với rất nhiều nỗi khổ niềm đau tới từ những hoàn cảnh khác nhau. Nhưng khi cánh cửa gỗ nặng nề mở ra, trước mặt tôi là một người đàn bà đen trung niên, cặp mắt sáng nhưng đầy thân thiện. Sau khi duyệt qua hồ sơ của những trẻ em cần giúp bà nhẹ nhàng cảm ơn sự hợp tác của tôi và không quên chúc tôi một ngày đầy an lạc. Sau nhiều lần làm việc, bà đã thân với tôi hơn, bà bắt đầu hỏi thăm tôi về gia đình và sau cùng là tôn giáo của tôi.

Tôi cho bà biết tôi là một phật tử, ngay lập tức bà vui mừng đưa tay ra nắm lấy tay tôi và cho biết bà cũng là một phật tử. Thật là một sự ngạc nhiên, tôi chưa bao giờ biết ở giữa một thành phố xô bồ nhiều sắc dân, nhiều tôn giáo như Tin Lành, Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo này tôi lại gặp một người ngoại quốc đi đạo Phật. Tôi hỏi thăm vì nhân duyên gì mà bà trở thành Phật tử, bà kể cho tôi là gần bốn mươi năm trước khi bà còn là sinh viên của một trường đại học ở Boston thì bà quen một người bạn Nhật. Về điềm đằm, nét an lạc, sự quan tâm đến người và vật của người sinh viên ấy đã khiến bà ta tò mò vào thư viện trường tìm đọc về đông phương và nền minh triết cổ xưa. Sau cùng bà ta tìm qua Nhật học và trở nên một phật tử. Bà cho tôi biết bà đã qua những thiền viện và lối sống tĩnh lặng gần như tách rời cuộc sống của những vị thiền sư vốn ít lời nhưng khi nói thì như sấm sét đánh qua. Có lẽ lối thiền ở những tu viện đây kỷ luật không phù hợp và thêm vào đó là văn hóa dị biệt và ngôn ngữ bất đồng, cho nên có một thời gian bà không theo một giáo phái nào. Sau này vì một cơ duyên bà theo môn phái của Soka Gakai, đây là một trường phái mới của đạo phật Nichiren, một đạo phật nhập thế của Nhật sau Đệ Nhị Thế Chiến. Bà ta mời tôi tham dự một khóa lễ hai tuần sau. Vào chủ nhật sau đó, tôi tìm đường tới trung tâm của Soka Gakai, đó là một trung tâm lớn như trường học. Bà ta đưa tôi vào thiền đường, nơi đây trang hoàng giản dị rất sáng với nhiều cửa kính, chính giữa là một trang thờ hình chữ nhật với hai cánh cửa màu vàng kim sáng ánh. Khi người chủ tế và tín hữu tới đầy đủ, thì hai thanh niên người da đen mặc âu phục trắng, đeo găng tay trắng thành kính mở cánh cửa ra sau ba hồi chuông đánh ngân dài. Tôi thấy những dòng chữ Phạn viết rất đẹp ở khung kính trang thờ. Vị chủ tế bắt đầu có lẽ vài câu kinh bằng Phạn ngữ và sau đó bằng phiên âm Nhật ngữ, mọi người cùng cất tiếng tụng với âm thanh trầm bổng, điều khá thích thú là mọi người đều có những chuỗi đá màu khác nhau đan giữa hai bàn tay và liên tục kéo vào kéo ra tạo nên những âm thanh lanh canh. Khoảng nửa giờ tụng kinh, vị chủ lễ đánh ba hồi chuông dài, sau khi toàn thể tín hữu đã tụng niệm danh hiệu chư phật. Thì lần nữa hai người thanh niên thành kính đóng cửa trang thờ lại. Tiếp đó là chiếu phim ngắn về hoạt động của giáo hội tại Nhật và khắp các phân viện trên thế giới, rất quy mô và rất cập nhật hóa. Trên màn ảnh lớn, các vị tôn đức đọc lời nhắn nhủ và những bài thơ dây khích lệ. Cuối cùng là giây phút mọi người nắm tay và chúc tụng nhau, vị chủ lễ mời các tín hữu lên chia sẻ những khó khăn họ gặp phải và lý do đưa họ tới môn phái Phật giáo này. Các tín hữu màu da đen hay trắng đứng lên chia sẻ cảm nghĩ của họ bằng một câu kinh ngắn, bài thơ nhỏ, bằng sự giúp đỡ người cơ hàn. Một số người Mỹ tìm đến đạo Phật vì sự cô đơn của một xã hội dường như mở rộng nhưng thật ra đã khép kín với họ khi nghèo đói đến, khi tuổi già, và những thất bại trong đời sống. Tôi ngồi im lặng nghe những người

gia cũng như trẻ nói lên tâm sự của họ. Đạo Phật ở đây rất giản dị, không nói đến kinh điển hay giảng lý thuyết cao, chỉ là những nâng đỡ về mặt tinh thần, một vài buổi thiền học đơn giản, nhưng chủ yếu là sự động viên khích lệ và sự nhắc nhở cuộc đời đầy bất toàn nhưng con người không cho phép sự tuyệt vọng nầy mầm vì xung quanh họ có những đóa sen ngủ sắc sè ban tặng đến họ vì một giáo lý cao cả đã một lần nẩy mầm ở phương đông giờ đang gửi hương theo gió và những cánh hoa màu nhiệm đó từ từ nở ra tại đây. Tôi thật sự cảm động nhìn những người đạo hữu nầy, sau đó người bạn tôi hỏi tôi nghĩ sao về một đường lối Phật giáo mới khác với thiền tại phương đông. Lúc bấy giờ tôi khá bối rối, tôi không biết nói sao để cho người bạn đó hiểu Phật giáo không phải chỉ là Thiền Tông (Zen), quá xa vời với đời thường, rất là hào nhoáng với giới trí thức trẻ (giới yuppy) của châu Âu hay đa số là dân da trắng. Ở phương tây Phật giáo đang được yêu chuộng như là một lối sống đầy mới mẻ, cao cấp và hiện đại của những con người thành công trên mọi lãnh vực và đồng thời đầy minh triết. Người Mỹ phân nhiều thích những gì mới và sáng tạo (new and creative), trực phá (directness), và gợi sự suy nghĩ trái biệt (intrigue).

Tôi muốn diễn tả cho bà ta hiểu về một đạo Phật nôm sòng của những làng quê nơi xứ Việt, một đạo Phật bình dị rất đời thường giản dị như Tấm Cám, như Bụt hiện ra giúp kẻ khốn cùng, như cầu siêu độ sanh, như sự cầu mong của người nghèo thoát khỏi cùng khổ, như lý nhân quả phạt ác thưởng thiện v..v..và v..v.. Nhưng có một cái gì đó vẫn không hoàn chỉnh, vẫn không rõ nét cho người bạn vốn vì màu da mà cha ông bị bắt từ một xứ sở xa xôi bên đại lục Phi Châu lưu lạc đến Tân Thế Giới, rồi bao thế hệ bị bạc đãi mãi cho đến ngày nay nhờ một vĩ nhân người da đen là ông Luther King tranh đấu cho quyền làm người bình đẳng (America's civil rights movement), một người đã thấm nhuần tinh thần tranh đấu bất bạo động của thánh Ghandi.

Sáng nay nhờ thực tại màu nhiệm của cảnh đông trắng tinh khôi, nhờ lời chỉ dạy của thiền sư Hư Vân, tôi đã tìm được câu giải thích cho người bạn dễ mến này. Tôi muốn nói lại ý của lão sư Hư Vân như ngài đã từng dạy:

Đạo Phật như đóa sen nghìn cánh, cho dù pháp môn nào, tông phái nào, chẳng qua là giúp đưa người vượt trầm luân tại cõi đời này, độ người thoát khổ tại giây phút này. Lời đáp chỉ giản dị như thế. Thiền của đời thường chỉ đơn giản như thế.

Ngay tại phút đó, thiền và tịnh độ như đã từng chưa bao giờ phân biệt đã thể nhập làm một. Trong thiền có độ, trong độ có thiền.

Tôi ngừng xe lại bên vệ đường, chắp tay trong cỏi lòng thành kính Sáng ngời đóa sen ngàn cánh với những sắc màu lunh linh đang bùng nổ giữa cỏi người tại đây, tại quê hương tôi, tại những nơi khác nhau, và trong trùng trùng thế giới hoa tạng của kinh hoa nghiêm, và bùng lên màu nhiệm giữa vô vàn chúng sinh vô tình và hữu tình.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Nhã Lan Thư

---o0o---

HOA TRONG THIÊN

Nhã Lan Thư

Khi những bông hoa crocus màu tím nhô lên khỏi những mảng tuyết muộn màng còn đọng lại trên đám lá khô màu nâu ở góc vườn là lúc mùa xuân khe khẽ trở về. Trong buổi sớm mai trong vắt màu nắng và hơi lạnh còn lan tỏa trên những nhánh cây khô gầy, tôi làm một cuộc du ngoạn về thành phố New Hope (Niềm Hy Vọng Mới). Tôi cho xe chạy qua những con đường ngoằn ngoèo, leo lên những con dốc cao, qua những rừng cây trụi lá, bỗng đâu đây thoáng hiện bóng một chú nai ngơ ngác rồi vụt biến cuối đường. Rừng này nối tiếp rừng kia, bắc ngang qua những cây cầu gỗ trên lạch nước còn đóng lớp băng mỏng. Tôi đã thấy cánh rừng bên tay mặt mở ra con sông dài và cây cầu sắt củ kỷ hàng hai trăm năm trước mà người dân địa phương luôn hãnh diện đã có lần Washington dẫn quân qua đây để bắt ngờ đánh úp đội quân của vương triều Anh quốc. Tôi cho xe đi vòng theo lối nhỏ, phía sau một tu viện xây kiểu Tây Ban Nha với vòm cổng cao và một chuông đồng thật lớn treo bên cạnh. Sau khi cho xe vào bến đậu trả tiền, tôi bước ra ngoài choáng ngợp trong ánh nắng trong veo, một mùi thơm lạnh của đá núi từ phía trên thổi về.

Thành phố New Hope nằm cạnh chân núi, là một khu du lịch nhà cửa nhỏ xinh xinh làm bằng đá, bằng gỗ sơn màu xanh tím lơ dễ thương như một làng xưa của Âu châu. Tôi đi tản bộ trên những vỉa hè lát bằng những tảng đá xanh dày, dù trời còn sớm, dù thành phố còn ngủ yên, đây đó lác đác vài căn nhà đã mở tiệm. Tôi tìm đến một quán café nhỏ bên cạnh một cây cầu đá, cả thành phố hầu như góc nào cũng gặp những đường hẻm dẫn đến bến sông hay con lạch dài, mùa hè du khách có thể thuê một con thuyền gỗ được kéo bằng thùng bện bởi các chú lừa đi trên hai bờ lạch, du khách tưởng

như mình đã trở về quá khứ của thời Tom Swayer. Không khí trong tiệm thơm ngát hương café nồng ấm, tôi kiếm một chỗ ngồi cạnh khung kính có nhiều mảnh vuông, tôi xoay nhẹ tách café Capuchino sóng sánh mùi thơm ngọt ngào. Tôi ngây ngất nhớ lại những ngày xưa bé trong khu vườn nhà trắng xoá những chùm hoa và thơm ngát hương sương ướp đậm vị ngọt ngào của hoa café tinh khôi, đầu đó vang rộn tiếng cười của cô bạn mắt đen lánh như chú chồn nhỏ thường vào vườn ăn trộm trái café đỏ mộng. Tuổi thơ nồng nàn hương hoa nào mãi mãi còn đây trong hồn tôi, một lữ khách có một ngày bên ven trời xứ lạnh chợt thấy màu hoa xưa. Một chú chào mào xanh mượt đáp lại trên cây táo còn lửng lơ vài chùm táo đỏ, chú chim vừa rĩa trái vừa nhẩy tung tăng, nhưng ở đâu một chú mèo nhẩy vọt lên chụp tới, hoảng hốt chú chim chới với bay lảo đảo, rớt lại không trung tiếng kêu buồn, tôi nghe hồn se thắt bởi một cõi vô thường lại diễn ra.

Để tiện tip trên bàn, tôi bước ra men theo con dốc, đến căn tiệm cuối đường của một phụ nữ người Đức. Là một phụ nữ đẹp với mái tóc bạch kim và cặp mắt xanh lơ, bà ta có một nét đẹp đài các, luôn luôn khoác qua vai áo, những mảnh khăn lụa điểm vài nét thủy mặc, đôi khi là một cánh bướm mơ hồ như sương khói Trang Tử. Căn tiệm của bà ta có ba tầng gỗ cách nhau bởi những bậc thang thấp, dẫn ra sau tiệm là một hàng hiên dài nhìn ra sông với vài khúc gỗ làm ghé ngồi và bên dưới là một vườn Thiền đơn sơ đầy nghệ thuật, có một ống máng bằng tre chảy nước róc rách vô một cối đá rêu xanh. Cả không gian tiệm luôn lắng đọng khói hương mai hoa của xứ Phù Tang. Vào một tháng hè năm trước lần đầu tôi theo người bạn vào tiệm, trong khi đi thơ thẩn qua những kệ sách và ngắm nhìn những cây đàn của các nước đông phương treo trên vách, tôi bỗng sững sờ nhìn thấy một cảnh hoa sen trắng nhô lên từ một khay sỏi cuội đen, dưới cánh hoa lonh lonh một giọt nước đọng trên nền xanh mền của lá sen tươi mát. Một nét đẹp thanh khiết nhẹ nhàng lan tỏa, làm không gian xung quanh dường như tĩnh mịch, thời gian như cô đọng, tôi không biết tôi đứng đó bao lâu. Một bàn tay vỗ nhẹ lên vai tôi, quay lại tôi thấy người phụ nữ âu châu trong bộ lụa trắng trang nhã và một xâu chuỗi ngọc lưu ly (Turquoise) xanh biếc màu da trời trên cổ áo, bà ta mỉm cười hỏi tôi:

Chắc bạn biết nhiều về loài hoa tuyệt vời này phải không?

Rồi bà ta mời tôi trở lại vào buổi chiều, nơi từng ba sẽ có một lớp Thiền hướng dẫn bởi một Thiền sư. Tôi trở lại khi ánh chiều vẫn còn rực rỡ bên ngoài, nhưng bên trong từng ba không gian trầm lắng với khoảng hơn hai mươi người đã có mặt trong những bộ áo màu trắng nhẹ nhàng thoải mái và

mang theo với họ gói Thiền. Rón rén để không gây tiếng động khi di chuyển trên sàn gỗ, tôi tiến về cuối phòng và mọi người nhìn tôi với một nụ cười thân thiện. Tôi cảm thấy yên lòng khi phía trước là cửa sau mở rộng hướng về mặt sông. Vị Thiền sư chưa xuất hiện.

Không khí chiều mát lạnh khi làn gió từ sông thổi vào, mọi người đang trao đổi câu chuyện, thì tiếng chuông gõ bong bong ba tiếng ngân dài. Dưới bực thang bước lên là một nữ thiền sư khoan thai trong chiếc y màu đen, theo sau là chủ nhân căn tiệm cầm trên tay một cành hoa sen trắng và một lá sen lớn. Lập tức một thiền sinh ngồi hàng đầu đứng dậy và mọi người đồng đứng lên cúi rạp người trong một nghi thức vô cùng cung kính. Vị Thiền sư đáp trả bằng hai tay chấp hình búp sen trước ngực.



Người nữ chủ nhân sơ lược tiểu sử của vị Thiền sư và đề tài Thiền của chiều hôm ấy: Hoa và Thiền. Vị Thiền sư bắt đầu bằng niệm danh hiệu của Đức Quán Âm (Avalokiteshvara), nhẹ nhàng bà cho biết chúng ta sẽ bắt đầu bằng nghi thức cắm hoa. Một đĩa lớn bằng sứ trắng với lòng sâu được mang lên để trên bàn thấp trước mặt vị Thiền sư, bà nhẹ nhàng nâng cành hoa lên trước trán và để cành hoa thẳng vào giữa lòng đĩa với lá sen được cắm thấp khoảng một phần ba chiều dài của cuống hoa. Bông sen vươn lên thanh thoát nổi bật trên nền y đen của vị thiền sư, bằng một cử chỉ vừa nhanh vừa gọn bà vót lên một giọt nước để lên cành lá sen. Giọt nước rơi thật nhẹ giữa lòng lá và nằm im tại đó. Cử chỉ đó được gọi là “Tĩnh thức trong từng hành động”, một nghi thức đơn giản nhưng đẹp như một bài thơ Haiku ngắn, nhưng đánh động tâm hồn trở về với thực tại màu nhiệm.

Sau đó vị thiền sư yêu cầu mọi người chú tâm vào hơi thở, một khoảng thời gian trôi qua lại ba tiếng chuông bong bong ngân dài trong không gian u mặc, tôi dường như cảm thấy chung quanh vắng lặng chỉ còn hình ảnh bông sen trắng ngời tinh khiết và mùi thơm của lá của hoa lan tỏa thấm vào trong từng vi tế.

Tiếng Thiền sư nhắc mọi người hãy để lòng lắng xuống, hãy nhìn sự vật tự nhiên, hãy quán chiếu những gì xảy ra ngay tại sát na này, hãy sống cho hiện tại, hãy tập nhẫn nhục để lòng thương mở rộng rồi anh sẽ hòa nhập vào tình thương rộng lớn hơn của chư Phật như cánh hoa kia sẽ từ từ mở ra để nhụy sen li ti vàng rải hương lành cho khắp pháp giới chúng sinh đồng được tri kiến giải thoát ra khỏi luân hồi sanh tử.

Đó là lần đầu tiên tôi được biết đến Thiền Minh Sát Tuệ (Vipassana), qua một hình thức thật xinh đẹp. Hôm đó tôi về trong cõi lòng thênh thang mở rộng, hòa nhập vào từng đốm sáng của bầy đom đóm lập lòe trên đầu con dốc nhỏ.

NHÃ LAN THU

---o0o---

TRÀ TRONG ĐẠO VỊ

Nhã Lan Thu

Màu xanh láng mượt của tách trà xứ Romania đưa làn hương trà bạc hà ảo lả lảng đàng trong căn phòng ấm áp với những thảm len dày và những bình hình cây đèn thần của xứ ngàn đêm lẻ như đưa tôi về vùng trời huyền thoại của miền sa mạc Trung Đông ngời trăng sao lấp lánh. Người bạn có tên dài nhưng thơ mộng như bài thơ trữ tình của Rumi nhà đạo sư thế kỷ thứ sáu người Hồi đã thánh hóa tình yêu bằng những bài thơ xuất thần bất tử.

“Ánh Sao Trời Đêm Kim Cương Ngời Sáng”, Alma Mahliqa Muneerah Jannah Rakhshanda khẽ mỉm cười trên tôi, này người bạn Á Đông “đầu trên mây và chân không chạm đất” của tôi, hãy ăn thử kẹo làm bằng hương hoa hồng (Gulbarg-Hacizadi) của xứ tôi đi. Tôi ngắm nhìn những viên kẹo mềm mại trong vát màu hồng nhạt phủ một lớp mỏng phấn đường trắng nhẹ như bụi của nhụy hoa, bày theo hình tháp trên đĩa bạc điêu khắc dòng hồi văn bay bướm. Mùi thơm dịu phảng phất hương hồng trắng đủ nói lên nghệ thuật làm kẹo xứ Trung Đông ấy đã theo vị ngọt thấm sâu lắng trong hồn. Tôi nhón thêm một viên nữa, nhắm mắt lại ngã lưng trên sofa vàng sậm sắc thu, lắng nghe tiếng đàn Hồi buồn như tiếng gió lướt trong vùng biên địa hoang vu đang biến cả không gian nhỏ bé này thành những khoảng trống mênh mông.

Mahliqa Rakhshanda (nay tôi gọi bằng tên tắt), nhẹ nhàng rót thêm trà từ một bình bạc có vòi dài, từ trên cao chảy xuống một dòng thẳng tắp, làn trà sủi bọt bám quanh thành tách (đây là cách uống trà đen với nước cực sôi, cách rót trà làm trà nguội một tí, đồng thời để hương trà tỏa thơm). Tôi nhìn cô ấy rón rén nâng tách trà từ khay bạc chân quỳ, trên khay bày thêm một chén bạc nhỏ đựng từng viên đường cát vuông để bỏ vào trà làm dịu đi vị đắng của ly trà nâu đặc sánh. Mahliqa khẽ khuấy đường bằng một thìa bạc nhỏ năm lần, vì không muốn làm vẩn đục trà và làm nước nguội quá mức, cô làm trong một tinh thức trang trọng. Tôi biết cô bạn rất yêu các nghi thức uống trà, đó là một nhân duyên rất đời đời trong trùng trùng duyên khởi đã đưa chúng tôi gặp nhau.

Mấy năm trước, vào một chiều cuối tuần, tôi ghé xuống phố Society Hill hay là Đồi Xã Hội, cũng có thể gọi Phố Nghệ Sĩ, theo thói quen tôi thích ghé thăm một tiệm sách triết học Đông Phương, là tiệm sách đầy đủ các sách tôn giáo thế giới ở thành phố từng là thủ đô xưa của Hoa Kỳ. Tiệm với nét văn hóa viên đông lạ vì hai cánh cửa kính rộng lớn mà người có thể đi bên trong, một bên bày những tượng Phật từ Tibet (Tây Tạng), Nepal v.v.. và nhiều pháp khí cổ xưa, đặc biệt là một tượng Phật Vairocana (Tỳ Lô Già Na Phật) bằng đồng đen tuyệt đẹp trên một đài sen nhiều cánh, cửa kính bên kia bày một tấm kính dày cao dựng đứng trong vắt với nước tràn xuống tạo một cảm giác vừa mát mẻ vừa thanh tịnh. Bên ngoài giữa hai lối đi là một tượng sư tử đồng dài và cao khoảng ba thước theo lối thời vua Asoka (A Dục) Ấn Độ, đang ngạo nghễ ngẩng người qua lại.

Tôi đứng mãi mê đọc bên kệ sách miền Trung Á thì một cuốn sách rơi trúng vai, giật mình tôi ngược lên thấy một người con gái Trung Đông đôi mắt to đen láy đang với tay lên trên vẻ ngại ngùng xin lỗi. Tôi cúi nhặt cuốn sách, khẽ liếc qua "The Art Of Tea" của Kakuzo Okakura trình bày trang nhã với ly trà Nhật xanh ngát đang bốc khói. Tôi đưa trả cô ấy và mỉm cười nói: Đây là cuốn sách nghệ thuật về trà tuyệt hay mà tôi đã từng đọc. Cô thích thú như vừa tìm thấy một tri kỷ, vồn vã tán chuyện về nghệ thuật trà Đông Phương, nơi khách phải qua một lần ngỏ để cài khế cánh cổng tre đơn sơ, và cúi thấp mình khi bước vào trà thất sau khi đã bỏ lại giày dép bên ngoài. Sự cúi thấp mình qua khung cửa hẹp là một nghi thức đầu tiên như sự từ bỏ bản ngã vốn cứng cõi đầy kiêu hãnh nơi con người để từ đó bậc vương hầu nhất mực quyền quý đến kẻ sĩ cơ hàn ngạo nghễ phải nhún mình học cách sống hòa nhã của chốn thiền môn tĩnh lặng nhưng uy vũ bất năng khuất đó.

Cô say sưa kể vào dịp tháng mười của mùa thu trước, khi lá vàng phủ lối, khi hương thơm của khí thu lạnh rơi trên từng lối nhỏ dẫn vào khu vườn Nhật của công viên thành phố (Japanese house-Sofuko). Nơi căn phòng gỗ trải thảm Tatami (đây là dinh thất dựa theo kiến trúc cổ do kiến trúc sư Junso Yoshimura), một vị đạo sư trà Nhật với trang phục cổ truyền đã trang nghiêm hướng dẫn nghi thức pha trà qua từng cách chọn nước, đun nước, rửa chén, khuấy trà và nét thường thức trà trong tĩnh lặng vô ngôn. Từng hành động, từng cử chỉ nhỏ nhất thể hiện tinh thần tương kính giữa chủ và khách, nói lên một niềm cảm thông vô biên xứ của nền đạo học cổ kính đượm tính nhân hòa nhưng không kém phần uy nghiêm bất khuất nơi bản chất thiền tông xứ Phù Tang. Cũng từ đó cô yêu nền văn hóa thuần nét Zen đượm vẻ huyền ảo của một vầng trăng tròn với một vạch trực phóng trên nền giấy lụa trắng ngời được trang trọng treo trong phòng tokonoma (nơi cao quý trong nhà). Cô ngừng lại và hỏi tôi về nghệ thuật trà nơi quê hương tôi, không đáp tôi hẹn gặp lại cô ta vào tối thứ bảy tuần sau ở nhà tôi.

Đúng bây giờ chiều, cô và hai người bạn cũng yêu thích nền đạo học Á Châu đến thăm tôi, cô mang cho tôi một bông hồng trắng tuyệt đẹp, và để đón họ, tôi mời mọi người ngồi chung quanh chiếc bàn thấp bằng rễ cây hoa Đỗ Quyên già cỗi, và những chiếc ghế mây có phủ lên trên những chiếc gối bằng đũi Hà Đông màu nguyệt bạch. Để bắt đầu câu chuyện trà nơi xứ Việt, tôi đốt một lò trầm, trầm vừa bén lửa sẽ được vùi trong tro vỏ bưởi Thanh Trà, hương trầm tỏa lên một làn hương thanh thoát nhẹ nhàng đưa lòng người thoát tục. Đây là một kỹ thuật đốt trầm mà tôi học được từ ông ngoại. Trầm ngún bằng bột bưởi sẽ cháy lâu, không ra khói đen, và đặc biệt bưởi Thanh Trà cho một hương thơm đặc trưng. Hàng năm khi tiết trời trong mát vào thu là lúc ông tôi nhắc bà ra ngoài cổng đợi những o Huế áo dài nâu non quẩy gánh bưởi đi bán, bưởi được mua từ đó cho đến đầu tháng mười hai âm lịch, bưởi mua để dành ăn, cúng tết và biếu xén. Những trái bưởi nhỏ màu vàng nắng mới, khi bóc ra múi bưởi mọng nước, ngọt hương thơm từ bàn tay mẹ, bàn tay bà và nỗi mừng lấp lánh trên đôi mắt trẻ thơ chúng tôi. Nhưng với ông tôi vỏ bưởi là chính yếu, bưởi được mua về xếp dưới gầm của phản gỗ gỗ chân quỳ cao bóng là nơi các cụ thường ngồi bàn chuyện thiên hạ đại sự, là nơi họp gia tộc bàn chuyện phải quấy, là giang sơn riêng của lũ trẻ tôi dưới gầm phản, nơi mà mẹ mỗi ngày chùi xuống lau chùi sạch bóng.

Bưởi được bày ngay ngắn theo hàng, lúc bé tôi hay lắm nhâm nhâm xem số bưởi đã quá trăm chưa. Bưởi được xếp dưới gầm phản mát lạnh sẽ khô từ từ nhưng ruột sứt lại ngọt lịm. Vỏ bưởi được lau sạch trước khi ăn, vỏ tách ra

phơi trên mâm tròn lớn vào lúc nắng lớn, Khi khô quá sè xâu từng chuỗi dài và treo trên xà nhà. Đến lúc số lượng đủ nhiều, ông tôi dùng một lò than nhỏ cháy hồng củi đước, gắp than bỏ qua lu đồng lớn nơi xếp đầy vỏ bưởi, than bén vào vỏ bốc lên một làn khói xanh thơm hương bưởi nhẹ nhàng quyến rũ tỏa ra ấm ba gian nhà. Sau khi vỏ bưởi thành tro, để nguội ông dùng một sàng sắt sàng cho thật mịn và bột đước thu cất trong hộp thiếc không rỉ sét. Bột bưởi để gảy trà vào những ngày rằm, lễ chạp, hay dịp quan trọng, như đôi khi một cụ bạn cố cựu của ông ngoại từ xa tới thăm là lúc ông ngoại trịnh trọng đốt một lu trầm nhỏ mừng dịp hội ngộ. Hình ảnh ông ngoại râu tóc trắng phơ, nét mặt hiền hòa điềm đạm cùng cung cách sống đã đi vào tuổi thơ đầy mộng mị của tôi.

Chúng tôi ngồi im ngắm những cành lá phong rực đỏ nơi góc phòng, chờ nghe tiếng nước sôi trên lò điện nhỏ để trên khay trà, cùng lắng lòng bỏ lại ngoài kia lo âu của đời thường. Tiếng nước reo nhẹ nhẹ, tôi với tay lấy hộp trà sen Việt để đãi những người bạn tới từ nhiều nền văn hóa khác nhau, cô bạn từ xứ Ba Tư điếm lệ, cô bạn Hòa Lan thơm cánh đồng hoa tulip rực rỡ mùa xuân, còn anh bạn từ xứ Anh phủ đầy sương mù trên dòng sông Thame cổ kính. Cô bạn thích thú nhìn tôi dùng một mảnh trúc vàng óng múc trà, những cánh trà móc câu còn xanh màu lá vào một ấm gan gà đỏ sậm màu nâu ấm áp của đất. Tôi bắt đầu rửa trà bằng lượt nước đầu, sau đó rót một lượt nước vừa sủi bọt mắt cá vào trà, tôi dùng ấm chuyên trà ra chén sứ trắng đời Lý, màu trà xanh trong ánh men đẹp như bài thơ họ Hàn:

Nhà ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền

Sau cùng tôi thông thả tráng các chén trước khi chuyên trà ra từng chén hộp mít, trà sen ngát hương thơm đất trời quyện vào các câu chuyện thiền đầy đạo vị. Những người bạn yêu cầu tôi giải thích về cách ướp trà sen, tôi kể cho họ khi buổi sáng tinh mơ còn đọng sương trên mặt hồ sen sau chùa, vị ni sư cùng cô đệ tử nhỏ bơi thuyền ra hái sen từng bó ngát hương cùng lá sen phơn phớt mịn. Sen được hái về, nhụy được tẻ ra cẩn thận trộn vào trà ủ cả ngày nơi thoáng sạch để hương trà hương sen hợp thành một, trà được sao chế cẩn thận tất cả đều làm bằng tay. Nhưng chén trà hôm nay đã làm trong chánh niệm và lòng từ của một ni sư một đời hành y không mỗi mệ, người hiền lành chất phác và một tâm hồn vì đạo pháp luôn nở nụ cười an lạc. Người đã dạy tôi niệm phật, gõ chuông và lòng bao dung yêu từ cây cỏ đất đá cho cả đến kẻ tổn hại mình. Người dạy tôi thực tập hạnh từ bi ban rải trong chén trà thơm cho đến khi không còn ranh giới giữa người và ta, giữa

ta và các sinh linh, tất cả sẽ không còn ngần ngại, tất cả sẽ đồng nhất trong biển trí tuệ của Như Lai.

Chúng tôi trao đổi các câu chuyện về nền văn hóa của dân tộc mình, về cuộc sống tâm linh, về lối suy nghĩ thu hẹp vào tham vọng không ngừng cho sự cầu tiến phi nhân vô hạn không biết đâu là đủ.

Đêm đã về khuya, bỗng tiếng gáy của một chú dế từ đâu phóng ra, làm chúng tôi ngừng lại, lắng nghe để chợt thấy một hạnh phúc rất bình dị đang vỡ òa trong tâm khảm. Tôi xin lỗi đứng dậy đi vào bếp bung ra khay chè hạt sen hồ Tịnh Tâm mà cô bạn Huế vừa kịp mang về trong chuyến thăm nhà mới

đây.
Chúng tôi thong thả ăn từng muỗng chè thanh bụi vị ngọt mát của đường phèn.

Tôi hẹn sẽ nói về câu chuyện trà xứ Việt, bâng bạc trong dân gian nơi ấm trà vôi, nơi đầu làng quê của bình trà xanh vừa hái lá và chuyện thi văn muôn đời nơi chốn đình làng vào dịp sau.

Tôi tiễn bạn ra xe, sương đêm mát lạnh của mùa thu và ánh trăng vàng vạc trên không buông xuống trên lối đi, soi rõ hồn tôi một khoảng khắc phiêu du ngời hương đạo, tôi như cảm nhận thiên ý của tổ Trúc Lâm ngày nào trong ánh trăng ngà của quê hương muôn thưở:

Bình xưa tưới nguyệt, tối uống trà...

Nhã Lan Thư

---o0o---

LUNG LINH ÁNH NGỌC NƠI ĐIỆN PHẬT

Nhã Lan Thư

- Hello, this is Cathy. Don't forgot our trip this weekend. See you at 6 A.M. sharp on Saturday. Take care. Bye.

(A lô, đây là Cathy. Đừng quên cuộc du ngoạn vào cuối tuần này. Hẹn gặp lại đúng 6 giờ sáng thứ bảy. Nhớ giữ gìn. Tạm biệt.)



Tôi mỉm cười tắt máy nhắn ở điện thoại, thả cặp sách xuống phòng khách, tôi vào bếp làm cho mình một ly trà thơm ngọt mùi hoa cúc. Tôi thường tự tặng cho mình một ly trà của bất kỳ loài hoa khác nhau nào, sau một đoạn dài lái xe từ thành phố. Vừa đi vào phòng sách, tôi vừa nhâm nhi trà vừa nghĩ đến Cathy, một cô bạn gốc Ái Nhĩ Lan (Irish) nhỏ con với mái tóc cắt ngắn lộ ra một khuôn mặt xinh xắn và một cặp kiếng to của đôi mắt lúc nào cũng như có dấu hỏi về ý nghĩa của cuộc đời đầy mâu thuẫn này. Tôi biết Cathy trong một lần đi dự thiền của pháp môn Hatha Yoga. Cathy là một người theo đạo Phật rất nghiêm cẩn, cô ấy luôn nói mình là một Phật tử Tây Tạng. Cô hay nhắc đến ngôi chùa Kunzang Palyul Choling ở ngoài thủ đô Hoa Thịnh Đốn khoảng gần hai giờ lái xe, cô rủ tôi đi nhiều lần nhưng vì thời khóa biểu bận rộn tôi cứ hẹn lần này qua lần khác. Nhưng kỳ này thì tôi không thể hẹn được nữa vì một lý do đặc biệt, bạn trai của Cathy vừa được lệnh chuyển đi qua chiến trường ngoại quốc, nhìn nét lo buồn của cô, vợ chồng anh Việt đề nghị cùng đến chùa Choling để cầu nguyện. Vợ chồng anh Việt là người kể cho tôi nghe nhiều về niềm tin tưởng vào sự thiêng liêng của ngôi chùa bằng vào năng lực trì chú từ các Lạt Ma Tây Tạng và các Lạt Ma người ngoại quốc.

Đúng sáu giờ khi trời vừa hừng sáng, khi tiếng chim kêu vang lừng trên cây bạch dương trước nhà, thì chiếc xe van màu xanh của Việt đã nhắn còi trước cửa. Tôi khoác vội chiếc cặp sách lên vai bước ra ngoài, sau khi đã hít một hơi thở dài, tôi tự nhủ lòng hãy bắt đầu một ngày bằng hít thở và bước đi trong chánh niệm. Tôi ngồi băng sau cùng Liên vợ Việt, Liên trông gọn gàng với chiếc áo pull cao cổ màu xanh rêu và mớ tóc chải cao buộc ra sau, mọi người dường như phấn khởi kể cả Cathy, cô ấy trao cho tôi một ly trà xanh bốc khói có quai cầm. Buổi sáng sớm khí trời mát lạnh và xa lộ vắng xe, làm chúng tôi vui chuyện nói cười duyên thuyên. Một giờ sau xe bắt đầu bỏ xa lộ vượt qua đồi và từng rừng cây sáng lên những màu xanh non, sức

sống trôi dạt mạnh mẽ đẩy ra những chiếc lá li ti lấm tấm dưới ánh bình minh làm tôi liên tưởng đến những đốm xanh đủ màu trên bức tranh mùa xuân nơi làng quê xứ Pháp của Monet, thật sống động thật tuyệt vời.

Nét đẹp như nhẩy múa ngoài kia, toàn vũ trụ bùng dậy sau giấc miên trường mùa đông, tôi nói với Cathy về cảm tưởng của tôi, về sự sống động của trường phái Ấn Tượng (impressionist) khi dùng những đốm màu sáng khác nhau để vẽ có lẽ những người nghệ sĩ đó quán đượ sự màu nhiệm của thiên nhiên và từ đó phát sinh ra một trường phái vẽ đầy lãng mạn của tây phương phẳng phất nét bút lông thủy mặc phơn phớt nhẹ nhàng của phương đông. Liên chỉ cho tôi một hồ lớn đầy nước trong bên đường và một rừng cây liễu bao quanh, lá liễu rủ dài xuống đất lơ thơ trên đó màu vàng non của hoa liễu đầu xuân, cảnh vật thật đẹp chuyển từ những màu sắc khác nhau, tôi chợt nhớ tới bài Đường Thi khi xưa mẹ tôi thường đọc những năm bố tôi xa nhà nơi tuyến đầu:

*Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu
Xuân nhật gương trang thượng thúy lâu
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc
Hối giao phu tế mịch công hầu*

*Trẻ trung nàng biết đâu sầu
Ngày xuân trang điểm lên lầu ngắm gương
Nhác trông về liễu bên đường
Công hầu nghĩ đại xui chàng làm chi*

(Tản Đà dịch)

Tôi bật cười nghĩ sự ví von của mình cho hoàn cảnh của Cathy hiện tại, người thiếu phụ nào đó khi xưa cũng một ngày đầu xuân lên lầu chải tóc chợt nhìn hoa liễu nơi đầu cành mà buồn cho chồng chinh chiến xa, ngày nay thời gian mấy trăm năm sau ở một không gian khác có một người con gái không phải tựa cửa nhìn xa mà cùng với nhiều bạn hữu tìm về một ngôi chùa để cùng cầu nguyện cho người yêu nơi chiến trận xa. Cathy chớp đôi mắt cảm động nói:

- Các bạn thấy không cuộc đời cứ xoay mãi trong bánh xe luân hồi của nghiệp duyên.

Trong lòng tôi dâng lên một niềm thương cảm cho người bạn tóc vàng mà sao tâm hồn thấm nhuần đạo lý phương đông. Để đánh tan làn không khí

trầm mặc anh Việt kể chuyện khoảng tháng trước có một nhóm người rủ nhau đến chùa viếng cảnh, nhân thấy có nhiều vật quý khác nhau để xung quanh nơi vườn tháp thờ mà không ai canh giữ cả. Một người hỏi nhóm bạn đó là ý nghĩa gì, thì một người bạn của họ giải thích, đó là đồ cúng dường của những tín đồ đến cầu nguyện và để lại, thường thì không ai dám lấy vì họ tin rằng các thiên nữ Dakini là người canh giữ, nếu ai cố tình lấy sẽ bị trừng phạt. Người bạn kia không tin, cười nhạo, anh ta nói với đám bạn là ở thế kỷ 21 này còn có những con người khờ dại nói chuyện trẻ con để dọa người, rồi anh ta ngang nhiên lựa một tảng phỉ đất giá bỏ vào túi trước lời can ngăn của các bạn. Sau khi buổi thăm viếng chấm dứt, buổi chiều khi ra về đến xa lộ thì xe của anh chàng rắn mắt bị lật, không ai hiểu tại sao vì trời thì đẹp mà xa lộ thì vắng xe. Anh ta bị thương mê man, sau đó mấy người bạn đi cùng phải gọi gia đình anh ta yêu cầu tìm món đồ gửi trả lại với lời xin tha lỗi.

Cathy không ngớt miệng phàn nàn về sự kém lịch sự và thiếu hiểu biết của những người trẻ phương tây ngày nay. Riêng vợ chồng Việt khi kể đến ngôi chùa này thì họ vô cùng nghiêm cẩn, anh cho biết lần trước khi nhóm hướng đạo của anh đi cắm trại vào lúc giữa đông năm trước khi đài khí tượng cho biết rất đẹp và trong lúc đoàn hướng sinh do nhóm anh hướng dẫn đang đi trong núi xa cách chùa hơn một tiếng thì đột nhiên trời trở gió, bão tuyết bất thành linh đổ xuống nếu không tìm đường ra khỏi và bảo kéo lâu thì cả nhóm có thể sẽ bị nguy cơ mất mạng. Bỗng nhiên họ thấy trên trời có trực thăng rơi đèn và máy phóng thanh gọi kiếm người, cả đoàn mừng rỡ quơ đèn pin và đánh dấu SOS lên không trung, khoảng mười lăm phút sau thì họ được cứu bởi xe của kiểm lâm. Sau đó thì cả đoàn được đưa về chùa là nơi gần nhất đủ chỗ chứa cho cả đoàn. Sau khi mọi người đã bình tĩnh trở lại với các ly sữa cô cao nóng, thì vị cảnh sát cho biết cách đó khoảng một giờ, có một vị lạt ma người Mỹ gọi cấp cứu cho cảnh sát, ông ta nói có một đoàn người đi lạc trong lòng núi phía bên kia chùa, và ông ấy yêu cầu khẩn cấp để giúp đỡ họ. Anh trưởng đoàn và Việt xin được gặp vị lạt ma ân nhân, một vị tăng nhỏ dẫn họ ra phía sau hậu liêu nơi thất của các lạt ma, và họ gặp được vị lạt ma, nhưng ông ta chỉ nhã nhặn nói đó là thông điệp từ một lạt ma trưởng lão người Tây Tạng đang nhập thất gần đây cho biết, và vị lạt ma đang trong thời gian tu luyện nên ngài sẽ không tiếp ai. Vị lạt ma người Mỹ ra gặp phái đoàn, ông ta đặc biệt nói chuyện vui vẻ với các em nhỏ, ông cho biết khi còn nhỏ ông cũng là hướng đạo sinh, ông nháy mắt với các em hướng sinh và nói ông muốn chỉ cho họ xem một sự đặc biệt, ông trở về thất và đem tới một hộp khá lớn. Mọi người xúm lại vây quanh tò mò chờ ông mở hộp ra. Đám trẻ xuýt xoa la vang rần, thì ra đó là hộp huân chương xưa

có rất nhiều huy chương quý hiếm của hướng đạo, bắt chợt ông lôi ra một huân chương với ruy băng màu tím đã bạc màu rất đẹp. Ông nghiêm nghị hướng về đám hướng sinh nhỏ và nói:

-Tôi muốn tìm một em có họ Jhonson, đây là huân chương của ông nội em tôi muốn giao lại cho em, chúng tôi từng là bạn rất thân khi xưa. Tuần trước trong giấc mơ tôi đã nhận được thông điệp là người cháu của bạn tôi có cơ duyên lớn với chúng tôi sẽ tới đây. Đó cũng là lý do mà vị lạt ma Tây Tạng đã gỡ giấy ra khỏi thất của ngài và cho biết về tai nạn bão tuyết của quý vị. Trong khi cả đoàn còn đang bàng hoàng thì William Jhonson, một em trong đoàn rụt rè dơ tay lên nói:

-Tôi chính là cháu nội của bạn ông.

Anh Việt ngừng lại hỏi Liên cho anh ly trà để uống một ngụm, tôi và Cathy cùng sốt ruột muốn nghe hết câu chuyện, chúng tôi hỏi anh:

-Tiếp đi, chúng tôi muốn biết chuyện gì sau đó.

Anh Việt cười bảo:

-Các cô có biết không, sau đó thằng bé ấy quay lại chùa nhiều lần, và bây giờ thì cậu ta còn muốn xuất gia nữa đó. Vị lạt ma Mỹ đã từng là tổng giám đốc của một đại công ty quốc tế và một lý do nào đã khiến ông ta xuất gia thì không ai biết.

Cathy bật nói:

-Chuyện hay vậy, sao bây giờ mới nghe anh nói.

Việt nháy mắt;

-Thì hôm nay không phải là cơ duyên à.

Liên tiếp lời chồng:

-Các bạn có biết mỗi khi chúng tôi có vấn đề gì khó khăn, vợ chồng tôi đều lái xe đến đây cầu nguyện và bao giờ chúng tôi cũng ra về trong niềm an lạc vô biên. Có một cái gì lạ lắm tôi thấy rất nhẹ nhàng ở đó.



Xe bắt đầu leo dốc, quẹo phải và đi vào khuôn viên chùa, tôi đã thấy rất nhiều tháp thờ chư Phật (stupas) với tháp nhọn vươn lên, hoặc trắng hay màu đá đỏ của người Tây Tạng. Trên nóc của căn nhà chính làm trung tâm của chùa là phù điêu hình bánh xe pháp và hai bên là hai con nai nằm chầu. Chúng tôi mở xe bước ra ngoài, đã nghe tiếng chim hót lạnh lớt, bầu không khí thơm mùi tùng bách và không gian mở rộng trước khuôn viên chùa vô cùng tĩnh mịch.

Vợ chồng Việt đi trước mở cửa bước vào chánh điện. Trong điện lung linh hàng trăm ngọn nến ngát mùi trầm và ngoài bệ cao thờ Phật, tôi thấy những khối ngọc rất lớn để khắp nơi. Ánh sáng của nến đổi theo màu của sắc ngọc. Một khối ngọc Thạch Anh tím (Amethyst) cao hơn hai thước nơi góc phòng tỏa ánh ngời sáng từ những viên ngọc tím nhọn lấp lánh trong bong ngọc. Xéo qua phải là một khối tròn ngọc Thủy Chính (Crystal) tỏa muôn màu cầu vồng chói chan, lù vào phía trái nơi cửa sổ chạm trổ chữ vạn là một khối Hồng Ngọc (Rose Quartz) trong veo màu tươi sáng. Một tảng đá nhọn của Ngọc Huyền đen (Black Obsidian) bao trùm vẻ huyền bí của vũ trụ mệnh mang phát ra hào quang ngời lạnh lõi cuốn người như chìm vào sự sâu lắng của những tầng tâm thức đang khai mở. Dưới chân bệ thờ tôi thấy một tảng đá Ngọc Ánh Trắng (Moon Stone) trắng màu sữa tươi ngọt ngào, thật tương phản với Huyền Ngọc làm tôi liên tưởng đến hình Thái Cực đang đi từ đen tới trắng, từ tử tới sinh, hay là vòng tròn luân hồi cứ miên mang chuyển đổi trong cõi giả tượng của vũ trụ này. Còn biết bao nhiêu những khối ngọc hình tướng khác nhau bày quanh chính điện, ngọc để trên kệ hoặc để trên chân ghé chạm, hoặc quá to phải để nằm ngay trên mặt điện. Tôi tưởng mình lạc vào thế giới lung linh màu sắc của những vì tinh tú trên cõi thiên và tự nhiên trong một phút giây nào đó một nguồn năng lượng mạnh mẽ vang lên âm thanh của lời chú nguyện OM vang vang tỏa trong không gian tưởng chừng như vô tận. Tôi đắm mình trong nguồn âm thanh như một lời mật khải từ mười phương chư Phật cho tới khi Cathy tới kéo tôi ra khỏi chính

điện rẻ vào thư viện của chùa, mùi hương trầm diệu dàng tỏa ra từ hàng nến được để dọc tường làm lòng người thêm thanh thoát. Trước cửa thư viện là một cuốn sổ lớn, ai cũng có thể ghi tên người thân và gia đình, mỗi ngày trong từng khóa tụng các vị Lạt ma sẽ đến xem để chú nguyện cầu xin chư Phật và chư Thiên ban rải phước lành đến cho tín chủ. Cathy thành kính ghi tên người thân, một vị Lạt ma trẻ xuất hiện hỏi thăm xem chúng tôi có cần sự hướng dẫn nào không?



Tôi buột miệng hỏi thăm về những tảng ngọc trong điện thờ, bằng nụ cười hoan hỷ vị Lạt ma này cho biết đó là sự kết hợp giữa khoa học thiên nhiên từ năng lượng của đá quý hàng bao triệu năm với truyền thống cổ xưa của Tây Tạng. Jetsunma vị nữ Lạt ma tái sinh người gốc Mỹ, từ trong tiền kiếp xa xôi đã là một nữ pháp sư Tây Tạng tên Ahkon Lhamo (1665). Vị nữ Lạt ma này cứ hàng năm về Arizona khi hội chợ đá quý mở mùa, để tìm những khối ngọc thiên nhiên mà bà ta tin vào những nguồn năng lực siêu nhiên đang ẩn tàng trong những khối ngọc này có thể giúp người hành gia nào muốn học về lẽ huyền vi trong đời sống. Giống như loại ngọc Labradorite có một đặc tính tạo ra tầng từ trường qua hào quang của nó, giúp bảo vệ và tăng cường năng lượng để ngăn ngừa kẻ nào hay linh thể nào muốn xâm nhập vào năng lượng của mình và làm cho mình mất đi tinh khí. Lẽ dĩ nhiên là những vị đạo sư cao cả, các ngài đều hiểu rõ các năng lượng siêu nhiên, đó cũng là một trong lý do ở Hy Mã Lạp Sơn có nhiều đạo sư ẩn mình tu luyện.



Có thể nói đây là một sự kết hợp tuyệt vời giữa khoa học thiên nhiên đá quý (gemmotology) và nền minh triết cổ xưa. Thật ra con người đã quên đi những truyền dạy từ hàng bao nhiêu thế kỷ trước của nền văn minh tôn giáo phương đông rực sáng bị vùi lấp qua lớp sóng vô thường của chiến tranh,

hỏa hoạn và sự tàn phá khốc liệt của các nhóm người quá khích đầy bạo lực. Bây giờ đây lớp bụi thời gian đang được lau chùi để ánh sáng màu nhiệm từ từ lóe ra chọc thủng màn vô minh đã đưa con người trầm luân đau khổ, lặn hụp qua nhiều kiếp, cho đến một ngày từ trong chân tâm vang lên lời chuông thức tỉnh và con người tìm về bản ngã chân như, tìm về Phật tánh nơi mình.

Vị Lạt ma nhẹ nhàng nhắc nhở chúng tôi là giờ cơm trưa đã đến, chúng tôi có thể đi vào phòng ăn để lãnh phần cơm chay của mình. Theo lời hướng dẫn, chúng tôi đi đến cuối phòng bên phải, một nhà ăn nhỏ ngăn nắp, xếp hàng đi thọ cơm. Bữa cơm đơn giản với cà ri rau củ, một ít salad tươi, một phần trái cây cắt nhỏ và một ly trà nóng. Chúng tôi ngồi vào dãy bàn gỗ trơn không đánh bóng, sau khi chờ vị Lạt ma đầu bàn đọc hồi kinh ngắn chú nguyện rải pháp lành cho khắp pháp giới chúng sinh, chúng tôi thông thả ăn trong ngọt ngào thanh sạch, hương trà nóng của hoa oải hương (lavender) dâng lên trong lòng chúng tôi một niềm hân hoan biết ơn cho phút giây màu nhiệm, để nhận biết sự sống chảy trong từng tế bào mạnh mẽ và tươi tắn.

Ngày qua nhanh tiếng tụng kinh chiều vang lên trong chánh điện như phóng ra ngoài không gian hàng vạn tia sáng đủ màu sắc huyền ảo, tưởng chừng như các thiên nữ Dakini đang rải từ trên cao phát phối hoa trời và những giải lụa nơi tay áo uyển chuyển như đám mây ngũ sắc.

Trước khi về chúng tôi rủ nhau vào tiệm sách của chùa, tôi chọn cho mình một viên đá nhỏ khắc dòng chữ OM MA NI PAD ME HUM

(Viên Ngọc Ma Ni Quý Trọng Hoa Sen) bằng chữ Tây Tạng với con mắt Pháp trên đầu. Nhìn sang cạnh thấy Cathy cũng đang lựa một viên đá khắc câu thần chú trên, Cathy rộn rã nói:

-Viên đá lành này sẽ được gửi qua cho bạn trai tôi, nguyện cầu tâm từ của chúng ta sẽ mang đến niềm hạnh phúc và bình yên cho anh ấy và những người bạn.

Gió chiều lạnh hơn, và sương bốc lên nơi hồ nước trên đồi cao đã giăng một làn sương mỏng đang từ từ lan xuống, tôi leo lên xe cùng các bạn. Việt mở máy bài hát của cô ca sĩ Yungchen Lhamo được hát trên cao nguyên mệnh mông của Thanh Tạng làm rung động trong tôi một khát vọng tự do tuyệt vời không trói buộc như hình cô và giải khăn lụa bay phát phối trên con ngựa trắng phóng nhanh bên hồ nước phản chiếu màu da trời xanh biếc trang bầy trên bìa của vỏ băng CD. Mang mang đâu đây tiếng ca trầm hùng vang động:

OM MA NI PAD ME HUM
OM MA NI PAD ME HUM.....

Nhã Lan Thư

---o0o---

DÒNG SUỐI TỪ BI

Nhã Lan Thư

Lá thư điện tử của John đến vào một sáng thứ bảy với hình một chú thỏ nâu tròn quay giữa đám hoa daffodile vàng rực rỡ như lời chào đầu xuân đầy nắng ấm. Tôi ngồi trong bếp nhìn ra ngoài khung cửa lớn, mùa xuân nơi đây đang rộn ràng phía bên kia vườn, nơi những nụ non như sáng đỏ lên trên cành đào, cành mận (Plum tree) phủ đầy những bông tím tím hồng. Tôi đọc lại lá thư của John lần nữa và lần nữa, vừa vui mừng vừa xúc động tôi tự hỏi cơ duyên nào đây.

John là một kỹ sư trẻ người Đài Loan, một con người lịch sự mẫn tiệp. Tôi biết John trong kỳ đi làm thực tập (internship) cho một công ty nguyên tử dùng năng lượng mặt trời tạo ra điện (Nuclear Power Plant). Tôi còn nhớ buổi sáng đầu tiên ngõ ngàng nơi hành lang rộng mênh mang của công ty, vừa lo lắng vừa hồi hộp của một sinh viên chưa từng bao giờ đối diện với thực tế vào sự áp dụng của làm và học. Tôi còn đang ngẩn ngơ chờ, thì cô thư ký xinh đẹp ném một cái nhìn kênh kiệu về tên ma mới, tôi vội sửa lại thế đứng với chiếc ba lô học trò trên vai, bỗng John từ đâu bước lại thân mật bắt tay, anh ấy tự giới thiệu:

-Chào bạn tôi là John Chao, trưởng phòng phụ trách an toàn trong lò nguyên tử (Safety Manager). Hôm nay là ngày đầu tiên của bạn thực tập ở đây phải không?

Tôi luống cuống chào anh ấy, John vỗ vai tôi thân mật tự nhiên:

-Bình tĩnh không sao đâu. Trước hết chúng ta vào cafeteria kiếm gì uống, sau đó tôi đưa bạn vào gặp trưởng phòng nhân viên nhé (Manager of Human Resource).

Lẻo đẻo đi theo John lên lầu hai, tôi choáng mắt vì căn phòng ăn rộng thênh thang và chung quanh là cửa kính màu xanh dịu mát. John lấy cho tôi một tách trà đen Ấng Lê và một phần ăn sáng bánh mì với trứng và xúc xích. Đó là cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với một người bạn Á Đông trong một công ty khoảng hơn sáu ngàn kỹ sư với đầy hợp chủng, đầy tiềm năng và đầy phe nhóm. Chẳng bao lâu tôi quen với nhóm bạn kỹ sư người Trung Hoa, những người bạn này thường họp nhau vào cuối tuần trong một tổ chức gọi là “Văn hóa ẩm thực”, thật là một truyền thống bất di bất dịch của con cháu vua Thần Nông. Đó là thời gian vui nhất của tôi, tôi đóng tiền tham dự các bữa tiệc từ đồ ăn Quảng, Hải Nam, Thượng Hải cho đến Mông Cổ v..v và v..v.. Nhóm bạn này không quản ngại đường xa, lái xe gần ba tiếng để cùng nhau thưởng thức món lẩu cừu nướng trên bàn sắt tròn hực lửa củi đỏ và uống rượu Hồi cay xé, sau cùng ra về trong âm điệu nhạc dân ca rộn rã tiếng đàn trống của dân vùng Tân Cương. Tiếng lành đồn xa, những nhóm bạn khác quốc gia, đôi khi cũng ghi danh xin tham dự, nhất là những người kỹ sư trẻ Âu châu với tinh thần dám thử (daring spirit) cũng gia nhập những buổi tiệc. Vui nhất là lần đi ăn đồ Tứ Xuyên với món lẩu ớt đỏ rực như áo cưới cô dâu (bên Tứ Xuyên đám cưới thường được thách và dẫn lễ bằng vải tạ ớt), để rồi sau đó những anh bạn người Âu khóc sụt mướt vì cay quá, cho dù đã bỏ hàng loạt các loại rau cải xanh, cải trắng khác nhau vào nồi nhúng. Ngày đầu tuần trở lại đi làm, một số người phải xin nghỉ đi bệnh viện rửa ruột vì chưa từng ăn cay như thế, trừ những bạn Án thì là việc nhỏ vì họ đã từng ăn cà ry nấu với một trăm trái ớt Mễ (Jalapeno) một loại ớt xanh cay xé óc. Câu chuyện ăn cay và nhóm nhậu nhẹt cuối cùng đến tai tổng giám đốc, vị này thân chinh đến phòng ăn của công ty để hỏi thăm, thật là một đại sự không phải là vì kỹ thuật nguyên tử hay thuyết trình quan trọng, chỉ vì một nền văn hóa ẩm thực đặc thù, làm chúng tôi ban đầu vừa lo lắng vừa bâng khuâng cho đến khi hiểu ra lý do thăm viếng của tổng giám đốc, đợi ông ta trở về văn phòng cả đám lăn ra cười và hẹn tiếp tục kanbei kỳ tới.

Nhưng cuộc đời có cuộc vui nào bất tận, vô thường luôn là trang sách mới của cuộc đời gia tướng này. Sau khi tôi trở lại trường để hoàn tất học vị, thì rất nhiều sóng gió xảy ra, công ty xuống dốc vì các tập đoàn dầu hỏa không muốn có sự cạnh tranh của một nguồn năng lượng vô tận khác làm thay đổi lợi nhuận kék sù của họ, thế là hàng loạt kỹ sư bị sa thải, những người bạn tôi quen người thì quay lại trường đi học nghề mới, người thì xoay ra mở nhà hàng siêu thị vv..vv.. Riêng John, anh bạn thân thiện to cao và vui tính đã hoàn toàn đi vào một ngã rẽ bi đát khác, tôi được biết vì chức vụ quá đặt biệt và vì lương cao anh là một trong những người nhận giấy sa thải đầu tiên cùng lúc anh phát hiện mình bị ung thư, một tin quá bàng hoàng cho những

người bạn. Tôi gửi hoa cùng điện thoại đến vận động tinh thần John, nhưng càng lúc anh càng mất đi niềm lạc quan. Cho đến một ngày tôi được biết cô vợ kỹ sư xinh đẹp thông minh đã gửi đơn xin ly dị, thế là căn nhà êm ấm cùng những bàn ghế hồng mộc sang trọng cũng ra đi. Tôi đã cảm nhận tận cùng niềm đau buồn nhân thế phù du bào ảnh qua tiếng nói anh đã lạc đi và lần sau cùng tôi gặp John, tóc anh rụng nhiều và bạc hơn quá nửa, anh dường như một ông già. Tôi nắm tay anh vỗ về an ủi như một em bé, thật đau lòng khi tôi thoáng hiện thấy đầu dây trong ánh mắt anh, John của ngày nào không xa đang từ từ tan rã. Tôi đó về nhà quá xúc động, tôi ra bàn thờ và tụng một bài chú Đại Bi tha thiết cầu xin Đức Linh Cảm Quán Thế Âm cho người bạn, sau đó tôi trở lại bàn chọn một tờ giấy hồng tươi sáng nắn nót dịch bài thơ của một vị thầy nơi quê nhà thân yêu gửi cho anh:

*Hãy học Pháp cam chịu
Lắng đọng và thâm sâu
Rủi lâm vào nghịch cảnh
Người tặng mình trăng sao*

*Please learn the Dharma of endurance
Listen and practice the calmness of mind
If one day your life falls in ruins
You always have the blessing of the moon's clarity*
(Ni Sư Thích Giác Liên)

John gửi lại cho tôi bức thơ buồn thảm, anh coi như đời đã hết và anh không còn tin tưởng vào một đấng thần linh nào nữa, là một tín đồ Tin Lành anh chối bỏ sự hiện diện của đức tin. Anh viết:

-Cám ơn cho bài thơ của bạn, tôi không còn gì để lưu luyến, ngay cả niềm tin cũng chết theo cô vợ lạnh lùng của tôi. Nhưng tôi vẫn luôn nhớ đến bạn và những ngày thân ái xưa.

Tôi đã bật khóc khi nhận thơ anh và sau đó anh dọn đi đâu không ai biết, không để lại một địa chỉ nào để liên lạc.

Thật là ngạc nhiên như từ trời rơi xuống khi John lại biết được E mail của tôi, và gửi dòng nhắn ngắn gọn sau hơn nhiều năm bất tin:

-Bạn thân:

Hãy kiểm thì giờ đến thăm chúng tôi tại trang trại Suối Từ Bi (The Compassionate Farm). Hãy nối lại tình bạn.

Thân mến

John

Địa chỉ...

Ba tuần sau, nhân dịp lễ Phục Sinh (Easter), tôi lấy vé máy bay xuôi về miền Trung Mỹ. Công ty du lịch đã thu xếp Taxi cho tôi đến trang trại của John, một buổi chiều mùa xuân tràn đầy sức sống trên những cánh đồng bạt ngàn lúa nhú những thân lúa mạch xanh ròn, mặt đất nâu phủ lên chiếc áo màu hy vọng của mùa mới. Xe taxi rẽ vào một con đường nhỏ và đang leo đồi, đến gần tôi đã thấy một căn nhà đá xưa và một nông trại nhỏ sơn đỏ với chú gà bằng đồng đón gió đang quay mòng mòng trên nóc.

John và cô vợ với đứa con ba tuổi đứng trước thềm nhà đợi tôi, John đón lấy va li từ người tài xế, anh khoác vai cô vợ có mái tóc bum bê và gương mặt không trang điểm ánh lên một nét dịu dàng.

-Đây là Linda người vợ từ bi của tôi.

Linda bẽn lẽn bắt tay tôi và kéo tôi vào nhà:

-Hãy vào đây rửa mặt, thay đồ thoải mái rồi chúng ta sẽ uống trà hàn huyên, chồng tôi rất mừng khi nhận được tin bạn sẽ đến thăm.

Sau khi đã thoải mái với vòi nước nóng từ căn buồng tắm có vòi sen đứng trên một bồn cổ xưa men trắng ngà. Tôi mặc bộ jumpsuit và ra hàng hiên sau nhà cùng vợ chồng John, Linda đã bày trên chiếc bàn nước một khay trà và đầy đủ trà cụ của người Đài Loan.

Tôi ngắm nhìn John, anh ấy đã hồi phục lại phong độ xưa, nét thiện cảm và niềm tin yêu nơi ánh mắt. Trong yên lặng Linda bắt đầu công phu pha trà nghi lễ của người Đài Loan sành điệu. John cho tôi biết lần sau cùng khi anh rời bỏ tiểu bang hoa violet tím của chúng tôi, anh đã trôi giạt về Texas với một thân bệnh đầy tuyệt vọng, trong khi kiếm một việc làm tạm thời (job shop), ngừng lại anh gửi cho vợ một cái nhìn đầy thương mến:

-Bạn biết không khi cuộc đời tôi đang đến hồi cùng mạt vận, thì tôi gặp Linda trong một lần theo bạn vào dự tất niên của hội người Đài. Tôi đã chán không còn muốn chữa trị và phó mặc cuộc đời theo từng ngày. Tôi chỉ nhớ sau buổi tiệc, tôi loạng choạng ra xe và trên đường đi tôi bắt ngờ quy xuống,

không gượng được tôi lịm đi. Khi tỉnh lại thì tôi thấy tôi đang nằm trong bệnh viện, bên cạnh là một cô bé tóc ngắn nét mặt đầy lo âu đang đắp lên trán tôi những khăn mặt ẩm. Tôi vội nhắm mắt lại, lo là cô ta có thể bỏ tôi cô đơn khi thấy tôi đã tỉnh dậy. Nhưng Linda đã không bỏ đi, cô lo lắng và chăm sóc cho tôi những ngày sau đó, cô tới thăm tôi tại bệnh viện và từ từ tôi kể cho cô biết về hoàn cảnh của tôi. Linda động viên tinh thần giúp tôi quay lại đứng lên phấn đấu và tiếp tục sống, cô không cho phép một tư tưởng bi quan nào trở lại. Bạn sẽ không thể tưởng tượng được tôi bây giờ là một Phật tử thuần thành. Bạn có thể biết là ba ngày sau khi gặp tôi cô ấy cho tôi cái gì không. Đoán thử coi? Tôi liếc nhìn sang Linda đang cười sung sướng ôm đứa con tròn quay trong lòng, tôi lắc đầu:

-Có phải một bó hồng nhưng không?

John cười ròn rã:

-Này đừng thơ mộng quá chứ. Cô ta cho tôi một cuốn kinh Phật giáo “*Ước hẹn với sự sống*” (Our appointment with life), bằng tiếng Anh vì cô ta biết tôi chưa từng đọc kinh Phật bằng tiếng Trung Hoa và khả năng đó tôi rất kém. Ban đầu tôi cũng nản lắm nhưng sợ làm buồn lòng cô ấy tôi mở ra đọc. Mà bạn có biết ai là tác giả không?

Ngừng lại John đỡ ly trà từ tay vợ và bằng hai tay anh đưa ly trà mời tôi, một niềm xúc động dâng trào lên khóe mắt :

-Cuốn sách đó viết bởi Thiền sư Nhất Hạnh người Việt của bạn, tôi đó tôi thức cả đêm, đọc cuốn sách ít nhất ba lần. Chưa bao giờ tôi nghĩ rằng có một kinh điển cổ xưa mà tư tưởng thật tân kỳ mới mẻ như vậy, từ trước tới giờ tôi cứ tưởng tư tưởng của Âu Tây là hiện đại:

*The past is already gone
The future is not coming yet
You have to live fully at this moment*

*Quá khứ thì đã qua
Tương lai thì chưa tới
Hãy sống cho hiện tại*

Đó là câu châm ngôn mà tôi thường dán trên bàn học khi tôi còn là sinh viên, tôi thật bất ngờ khi biết ra hơn hai ngàn năm trăm năm trước đây đáng

cha lành của chúng ta đã nói điều này nơi kinh [Người Biết Sống Một Minh](#), mà còn nói hay hơn nữa, để tôi đọc bạn nghe nhé:

Đức Thế Tôn dạy:
Đừng tìm về quá khứ
Đừng tưởng tới tương lai
Quá khứ đã không còn
Tương lai thì chưa tới
Hãy quán chiếu sự sống
Trong giờ phút hiện tại
Kẻ thức giả an trú
Vững chãi và thanh thoi
Phải tinh tiến hôm nay
Kéo ngày mai không kịp
Cái chết đến bất ngờ
Không thể nào mặc cả.
Người nào biết an trú
Đêm ngày trong chánh niệm
Thì Mâu Ni gọi là
Người Biết Sống Một Minh.

Tôi tròn mắt nhìn John một người bạn đã chuyển hóa, một năng lực mâu nhiệm, Linda cười tươi:

-Bạn có biết anh ta có một tủ sách của Thiền sư và anh ấy còn giảng cho Linda nghe nữa, chúng tôi có đầy đủ sách của vị sư phụ khả kính bậc thầy đã hấp dẫn những người trẻ tìm về thiền học trong đó có John của tôi. Bạn sẽ không buồn khi ở đây, chúng tôi có sách, có trà và có rất nhiều tình thương.

Linda ngừng lại, cười dòn dã với tay lấy ly trà tráng lại bằng nước sôi, và làm lướt trà mới. Lần này đến phiên cô ta bằng hai tay trong cử chỉ dâng trà cho khách, tôi chấp tay lại cúi chào cảm ơn và đỡ ly trà uống từng ngụm thông thả. John tiếp câu chuyện đang dở, sau thời gian quen nhau vài tháng, Linda quyết định đem tôi về Đài Loan tìm cách chữa bệnh cho tôi, tôi chỉ biết Linda là du học sinh về ngành tâm lý (Psychiatrist's doctor) và thêm về vật lý trị liệu, nhưng cô ta không bao giờ nói về gia đình của cô ấy. Mùa hè năm đó khi về Đài Loan, cô ta thu xếp cho tôi vào một tự viện nhỏ của một sư phụ chuyên trị bằng cầu nguyện, tĩnh tọa và ăn chay để thanh lọc cơ thể. Vì yêu cô ấy tôi cứ làm theo sự sắp đặt, thật là bất ngờ ngôi tự viện trên triền núi xanh với không khí thanh tịnh và tâm từ bi của những vị thầy ở đây

đã chữa trị dứt căn bệnh của tôi. Lần khám sau cùng khi biết căn bệnh của tôi đã lành, tôi tìm đến tôn tượng Đức Quán Âm trắng trong rừng trúc để quỳ lạy một trăm lễ tám lần, tôi đã thấy phép màu. Trước khi quay về Mỹ tôi ngỏ lời xin phép được gặp gia đình Linda và muốn xin cưới cô ta. Thật bất ngờ Linda ngại ngùng từ chối. Tôi về Mỹ trong niềm đau khổ vô biên, nhưng nhờ tôi đọc sách thiền và thực tập sự an lạc trong chánh niệm nên tôi lấy lại niềm tin. Tôi tới tìm cô ấy tại trường và khăn thiết đem lòng chân thành muốn cùng cô đi hết quãng đời như người bạn cùng đạo học.

Lời nói sau cùng này của tôi làm Linda cảm động, cô chấp nhận lời cầu hôn với điều kiện tôi phải về ra mắt thân sinh cô ta và gia đình vào mùa Giáng Sinh đến. Mùa Giáng Sinh là dịp nghỉ lễ mùa đông dài (winter break) của sinh viên, tôi thu xếp công việc lấy ba tuần bay về Đài Bắc. Lần này tôi lại bị một cú choáng váng hơn, khi xe taxi đưa tôi tới địa chỉ nhà Linda. Từ xa tôi đã thấy ngôi biệt thự cổng kín tường cao, tôi xem lại địa chỉ lần nữa cho chắc chắn trước khi tôi bấm chuông.

Một người nữ quản gia lịch sự trong bộ đồ cổ cao màu xám ra mở cửa mời tôi vào, bà ta không quên đưa mắt nhìn tôi kín đáo:

-Mời ông vào đại sảnh, Kim Lan tiêu thư sẽ ra sau.

Tôi được dẫn vào phòng khách sáng ngời thanh lịch với đồ cổ và thư pháp xưa. Nói thật lòng tôi thật hoang mang, tôi không thể ngờ gia thế Linda lại cao quý như thế. Tôi thờ dãi với những ý nghĩ miên man, mà không nghe thấy tiếng bước chân bước vào, cho đến khi nghe giọng tăng háng, tôi ngược lên nhìn thấy một vị gia chủ trong bộ đồ Trung Sơn băng lụa trắng dài, ông nhìn tôi nghiêm khắc. Tôi vội vàng đứng lên vái chào và tự giới thiệu. Sau khi người nữ quản gia bung khay trà ra mời, thân phụ Linda tiếp tôi một cách thận trọng, sau cùng biết ý định cầu hôn của tôi, ông lạnh lùng cho biết:

Vì tôi đã từng ly dị mà Linda là con gái duy nhất trong ba người con, ông khó lòng chấp nhận một cuộc hôn nhân sẽ gây nhiều đàm tiếu cho thanh danh gia đình. Đó là lý do mẹ Linda ngã bệnh bà không thể ra tiếp tôi.

Thật là một tiếng sét ngang trời, tôi tìm về lại ngôi tự viện để lấy lại bình tĩnh cho tâm hồn, chưa bao giờ tôi là một người thành tín về tôn giáo nhưng theo bản ngã tự nhiên tôi ra vườn trúc đánh lễ tôn tượng Quán Âm Đại Sỹ. Trong khi hành một trăm lễ tám lạy, tôi chợt lóe ra một ý nghĩ, thật vui mừng tôi trở về nhà ra tiệm sách, mua giấy bút mực tàu và thảo một bài Đại

Bi Chú, cũng may chữ viết của tôi từ năm rồi cố tâm viết kinh đã đẹp hơn nhiều. Tôi thảo thêm một bài luận về lòng từ của Đức Quán Âm, xong tôi trình trọng bỏ vào một hộp gấm rồi thuê người đem lại nhà Linda. Tối hôm đó tôi trở lại tự viện, ngồi xếp bằng và nhất tâm trì chú, tôi nhớ trong kinh có đoạn: nếu người cư sĩ nào nhất tâm cầu nguyện thì dù trong lò lửa sẽ hóa sen hồng. Tôi muốn nói là lòng tôi lúc đó không phải là lò lửa mà là hỏa diệm sơn, tôi cực kỳ đau khổ không biết những ngày tháng tới của tôi ra sao nếu gia đình Linda nhất định cản trở. Đêm đã về khuya khí trời khá lạnh, tôi cứ ngồi và thiếp dần trong giấc ngủ. Tôi đã mơ thấy Đức Quán Âm thấy lên không trung một cảnh lan trắng muốt mùi thơm ngát hương, giật mình tỉnh giấc tôi vẫn như thấy đâu đây màu hoa ngọc lan cùng làn hương quyện vào ánh trăng đang rọi trên khung cửa. Từ đó lòng tôi thanh tịnh, ban ngày tôi đi thiền hành quanh núi, cố lắng lòng quên đi một duyên nghiệp khó khăn. Chỉ còn một ngày nữa tôi phải quay trở lại Mỹ với những bề bộn lo toan cho sự sống, phấn đấu để quay lại trường đại học tiếp tục việc học cho một nghề khác. Trưa hôm đó sau khi tôi đi thiền hành, chân núi rực sáng ánh mặt trời chiếu lên dòng suối nhỏ màu cầu vồng ngũ sắc. Lòng tôi chợt nhẹ nhàng, tôi chấp nhận nghịch cảnh và nhớ lời dạy:

*Hãy quán chiếu sự sống
Trong giờ phút hiện tại*

Trên đường về tôi lượm được một viên sỏi xanh bóng, mân mê viên sỏi trong lòng tay chợt tôi nhớ đến lời vị thiền sư người Việt:

-Mình phải thấy hoa ở trong rác và thấy rác ở trong hoa. Phải thấy phiền não ở trong bồ đề và thấy bồ đề ở trong phiền não. Mình phải thấy mọi vật được tạo ra bởi những nguyên tố khác như mặt trời đám mây rừng cây...

Biết đâu viên sỏi này đã từng là một phần của tôi trong kiếp nào và ngày hôm nay tôi đã gặp lại tôi trong một hình thể khác, bật cười sảng khoái, tôi ngừng lại bên đường núi kiếm một chỗ có lá êm quỳ xuống đánh lễ chư Phật mười phương, chư thiên, các vị thầy tôi đã có duyên học qua sách vở. Lòng tôi tràn ngập niềm hân hoan vui sướng. Khi tôi về đến cổng tự viện thì chú tiểu Tín Hạnh chờ tôi nơi con kỳ lân bằng đá hoa cương, chú báo:

-Su phụ dặn phải báo cho ông biết có một di mẫu đang chờ ông nơi phòng khách phía sau tự viện từ hơn hai tiếng rồi.

Tim tôi đập mạnh, có phải là quản gia nhà Linda không? Đúng như tôi đoán, Phùng quản gia đứng lên lễ phép nói:

-Chủ nhân tôi, ngài cho mời ông tới chiều nay dùng cơm tối với gia đình, bây giờ tôi phải xin phép về để còn chuẩn bị.

Tôi chỉ kịp lấp bắt nói lời cảm ơn thì bà ta đã bước ra ngoài chiếc xe nhà đậu bên cạnh đường. Chiều hôm đó lần đầu tiên tôi được gặp toàn gia nhà Linda, mẹ Linda bà thật hiền đúng mẫu mực một người mẹ phương đông. Thân phụ Linda cho biết sau khi ông bà nhận được tờ kinh và bài luận của tôi, ông bà đã cùng nhau thảo luận với Linda, nhìn thấy nét buồn của cô con gái cưng và đọc lời chân thành trong thư của tôi, vì là một gia đình đạo đức tin Phật, ông bà chấp nhận đây là duyên nghiệp của cô con gái yêu. Sau khi cho mời vị sư phụ ở tự viện lại để tìm hiểu về đạo đức của tôi, ông bà đồng lòng cho tôi được thành hôn năm tới với điều kiện tôi phải học thêm kinh điển Đại Thừa là bộ Pháp Hoa và Hoa Nghiêm, đồng thời sau mỗi hồi kinh phải viết bài luận về cho ông bà duyệt thảo.

Khi John dứt lời thì Linda cười dòn tan:

-Bạn có biết không thân sinh tôi rất rành kinh điển Đại Thừa, hai cụ rất uyên áo về kinh Phật và cả Nho Lão. Không ngờ kẻ khù khờ như John lại có thể cảm động được hai cụ. Bố tôi tin tưởng khi John đọc hai bộ kinh lớn thì nghiệp sẽ chuyển và người sẽ hướng về Chánh Pháp, thế là John lấy vợ dễ dàng không, chính tôi cũng không ngờ.

Chiều đã buông xuống khi những vạt nắng còn rọi từng mảng sau đồi, vợ chồng John rủ tôi đi bộ ra giếng nước ngọt được dẫn từ dòng suối nhỏ kể bên. Anh cho biết suối nước nhà ngon nhất vùng và những người lân cận thường mang bình tới xin và hai vợ chồng luôn hoan hỷ mở cửa sau vườn cho người quen tùy ý lấy nước về dùng. Tôi nhìn thấy giếng đầy áp nước trong vát và bên cạnh giếng trên tảng đá lớn tròn xoay là tôn tượng Đức Quán Âm cầm tịnh bình đang từ bi nhìn xuống, quanh bệ đá là một vùng hoa tulip đủ màu đang hé nụ xinh xắn, chim hót líu lo, cả một vùng không gian rộn rịp với những chú thỏ con chắc vừa sinh được vài tuần đang chạy lẩn trong hoa cỏ. Một chú chuột đồng (ground hog) mập ú chạy lạch bạch vào một lỗ hang phía sau giếng nước, thằng bé con của John vỗ tay reo cười rượt theo.

Tôi bắt chọt rơi nước mắt vui cho sự hồi sinh của người bạn và thầm cảm ơn cuộc hội ngộ bất ngờ của John với người bạn có E mail của tôi và nhờ thế tôi đã gặp lại người bạn nhiều thiện tâm xưa. Vợ chồng John im lặng chấp tay

về hương Phật, chúng tôi đánh lễ ngài, cùng đọc Đại Bi chú trong hai ngôn ngữ Việt và Quan Thoại:

Thiên Thủ Thiên Nhân Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni...

Lời kinh hòa vang vọng cùng tiếng cười ngây thơ của John nhỏ

*Tôi đã thấy một đời xanh cổ tích
Và bầu trời vĩnh viễn ướp hương hoa.*
(Vô danh thi)

Nhã Lan Thư

---o0o---

ĐẠT MA ĐẾN PHƯƠNG TÂY

Nhã Lan Thư

Một rừng hoa Đỗ Quyên (Azalea) đủ màu đang khoe sắc xung quanh tôi, dưới tàng cây cổ thụ một cây Đỗ Quyên cao quá đầu người với cành cây uốn lượn để rồi xòe lên ngọn một vùng hoa đỏ rực. Tôi mê mãi sửa ống kính chụp những bộ hình ăn ý nhất, men theo đường đá qua những đôi cây trắng muốt màu hoa Đỗ Quyên, mùi hoa thơm quyện trong không khí sớm làm tâm hồn lâng lâng. Tôi chọn một tảng đá bằng phẳng ngồi nghỉ, ngắm nhìn những tảng rêu dây xanh mượt dưới cụm hoa màu tím lợt, một làn gió thổi qua một cánh hoa rơi nhẹ nhàng trên thảm rêu đậm để lại một phút giây sinh diệt vô thường. Tôi đứng dậy đi theo bậc tam cấp bước vào khu vườn điêu khắc (Sculpture garden), những tượng đá như sóng dậy bên chòm hoa Tử Đằng (Wisteria) buông rủ như những chùm nho phơn phớt tím hồng, mùi hoa Tử Đằng ngọt ngào thơm ngát, đám ong bầu vàng hoe đến bay lượn nhộn nhịp ngày hội lớn, tôi nghe tiếng lao xao từ những đôi cánh nhỏ đang chiu chít, một chú ong to tròn bay ngang tượng hai đứa bé đang giơ tay với lên như đuổi bắt một cánh bướm vô hình.



Tôi sửa ống kính, đang ngắm thế để chụp, bất chợt tôi nhìn thấy nơi cuối vườn cạnh một cây Bách Nhật Hinokee lá soán tròn như cánh quạt, một pho tượng đá đen ngời tĩnh lặng, tôi bỏ ống kính bước lại gần để xem. Thật bất ngờ đó là pho tượng **Bồ Đề Đạt Ma**, trong dáng ngồi với hai vai buông xuống, vẻ uy nghiêm của thế “ngồi như đá” và người điêu khắc tài tình đã khắc lên mặt ngài một cái nhìn sâu thẳm mạnh mẽ của nội tâm, tôi thật sự bị cuốn hút bởi tôn tượng ngài giữa những pho tượng đầy phong cách Âu Châu với những thiên thần đang chấp cánh như sắp bay lên. Kìa một cô tiên nhỏ (Tinker Bell) váy xòe ra như bông Huệ tây (Easter Lily) đang đá cao đôi hài cong có đôi bông tròn xoay trên mũi giày với một tay cầm một cây đuũa thần vẩy lên một chùm sao lấp lánh. Xa xa dưới đất vài chú địa thần (gnom) tinh nghịch bên tảng đá nằm trong đám cỏ clover bốn lá xếp hình trái tim mỏng manh và những nụ hoa đang nhú cao lên. Tượng Đạt Ma ngồi đó trong tĩnh lặng vô biên, nét từ bi như lan tỏa quanh ngài hòa lẫn giữa một thế giới sống động của những tiên nhân trẻ trung bận rộn.

-Tuyệt vời quá phải không? (Wonderful!!! Isn't it?).

\Tôi giật mình quay lại, một người đàn ông da đen với đôi mắt sáng trắng nhìn tôi cười thân thiện.

-Tôi thích tượng Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) này lắm, đây là chỗ tôi thường xuyên thăm viếng. Mùa đông khi tuyết phủ trắng xóa lên ngôi vườn này, khi những thiên thần đang ngủ yên, thì ông ấy vẫn vậy, vẫn ung dung tĩnh tọa, có khi nhìn lâu tôi tưởng như ông sắp đứng lên bước tới và dạy cho cuộc đời đầy bạo động một bài học thương yêu từ cuộc sống.

Người da đen nói xong cười phá lên:

-Này người bạn đừng cho tôi là điên nhé, tên tôi là Lee Dancer, tôi là người thầy dạy võ cũng là một trong những giảng sư về các khóa trồng và tạo hình dáng cây bonsai cho vườn bách thảo ở đây. Tôi thấy bạn ngắm tượng rất lâu bạn có biết gì về vị tổ sư (master) này không?

Tôi thành thật thú nhận là người Á Đông, theo Phật giáo nhưng ít ai rành về lịch sử tôn giáo mình, chỉ biết Bồ Đề Đạt Ma là một vị Bồ Tát khi xưa nơi quê nhà mỗi lần theo mẹ lên chùa có thấy hình ngài gánh trên vai một cây gậy treo lưng lẳng một chiếc giày. Hình ngài trong ngò ngò, nhưng khuôn mặt ngài với bộ râu xồm xoàm và cặp mắt trợn lên dữ tợn làm sao, khác hẳn các vị phật hiền từ trên chánh điện.

Lee rủ tôi vào khu nhà bát giác nơi bán nước giải khát, anh ta mời tôi một chai nước cam mát lạnh. Sau khi biết tôi là người Việt Nam, Lee reo lên vui vẻ:

-Tôi biết đến Việt qua hình ảnh một vị Đạt Ma khác. Anh ta khó khăn đánh vắn tên vị thầy mà anh ta cho là Bồ Đề của Việt Nam: Thích Qu.. ản.g Đ.. úc. Những năm trước khi tôi còn là sinh viên tôi đã say mê theo dõi tin tức và hình ảnh một vị sư ngồi thiền nhiên tự tại giữa biển lửa ngọ trời. Một hình ảnh vừa bi hùng vừa tráng lệ của tinh thần Đạt Ma. Bạn có biết sư phụ tôi và tôi đã làm một bữa cầu nguyện cho ông ấy không.

Đề đánh tan sự thắc mắc của tôi, Lee giải thích:

- Tôi là một người trẻ mồ côi mẹ khi sáu tuổi, ba tôi là một công nhân lục lộ, cuộc sống khó khăn hơn khi ba tôi lập gia đình với một người mẹ khác, lúc về bà đem thêm ba người con riêng, vì mất mẹ sớm và không người chăm sóc tôi rất ốm yếu, và hay bị đánh đập bởi những đứa trẻ lớn hơn ở khu chung cư tôi ở. Thường thì tôi bị chúng đánh bẻ mũi dập đầu chảy máu, những khi ấy tôi hay khóc lóc và ước gì còn mẹ để tôi có thể kể cho bà ấy nghe và hy vọng có cách gì để tránh những trận đòn trẻ con ác độc đó. Có một buổi chiều tụi nó chặn tôi lại, đang sợ hãi nhìn thẳng Joe bự trưởng nhóm sắp tung những cú đấm vào tôi để làm trò tiêu khiển, thì bất chợt tôi thấy chúng nó bị đẩy ngã bởi một ông già Chin (người Tàu) gầy ốm. Chưa hết ngạc nhiên tôi nhìn tụi nó như đứng chôn chân tại chỗ, đứa nào đứa nấy trông sợ sệt hết vẻ hung tàn hàng ngày, ông lôi tôi ra và sau khi phát nhẹ tay bỗng lủ nó như chiếc lò xo bật ra chạy ủa đi vội vã, ông nói với theo:

- Ta không muốn thấy chúng bây đụng đến thằng bé này từ bây giờ nghe chưa.

Tôi lẻo đẻo đi theo ông một đoạn đường, ông quay lại nhìn tôi và hỏi:

- Đây chú bé, chú muốn gì vậy?

Tôi ấp úng nói:

_ Ông có thể cho tôi biết ông làm gì mà tụi nó sợ ông vậy.

Ông ta nheo mắt nhìn tôi rồi cười.

- Đó là điều bí mật, chắc tụi nó sẽ không phá chú nữa đâu.

Tôi lắc đầu:

- Nếu không có ông, chắc chúng sẽ đánh tôi nhiều hơn để trả thù. Ông dừng lại nhìn tôi rồi gật gù nói:

- Ta đã thấy chú bị chúng nó đánh vài lần, nhưng kỳ này thì ta không thể để chúng hung tàn như thế mãi. Thế bố mẹ chú đâu?

Bỗng tôi rơi nước mắt, mãi mới nói được:

- Tôi không có mẹ, còn bố tôi chẳng bao giờ có ở nhà để giúp tôi cả.

Ông già Chin nhìn tôi một hồi, xong ông thông thả hỏi:

- Thế chú có muốn không bị đánh nữa không?

Tôi lấy tay áo quẹt nước mắt:

- Muốn lắm chứ, nhưng bằng cách nào?

Ông nhìn tôi lần nữa rồi nói:

- Như vậy, từ ngày mai chú tới căn nhà ở trên tầng hai số sáu ta sẽ dạy chú làm cách nào. Thôi trở về đi, ta phải lên trên nhà đây.

Theo lời dặn ngày hôm sau lừa xem tụi thằng Joe không còn lảng vảng xung quanh, tôi chạy nhanh tới nhà ông già Chin. Tôi hồi hộp gõ cửa, ông già ra mở cửa cho tôi vào. Nhà ông ta không có bàn ghế gì ngoại trừ một cái bàn dài rất cao và một pho tượng lớn với một cái chén đồng rất to và một sổ sách xếp bên trên.

Ông chỉ tôi vào ngòai trên hai chiếc gối tròn bọc đệm trên sàn.

- Ta đã hứa giúp chú, thế thì bắt đầu từ hôm nay chú phải học bài vở lòng về thế đứng và tập học đều hòa hơi thở.

- Đó là cơ duyên tôi được học võ với sư phụ Lim, ông là một võ sư của môn võ Thiếu Lâm bên trung Hoa. Sau một thời gian hai năm ông nhận tôi làm đệ tử chính thức, và từ đó tôi được biết đến Bồ Đề Đạt Ma là vị Tổ Sư sáng lập môn phái Thiếu Lâm. Sư phụ Lim cũng dạy tôi về thiền Như Lai tự tánh thanh tịnh của Tổ Đạt Ma, sư phụ Lim luôn nhắc về tinh thần vô úy, không tranh thắng bại. Khi xưa trên núi Trung Sơn, tổ Đạt Ma đã hàng phục bọn

cướp khi chúng bắn tên lửa để đốt ngài, và từ đồng lửa ngài đã bước ra bằng những bước chân vừa uy dũng vừa nhẹ nhàng mà không một ý niệm trả thù, không một hành động hung ác nào, đám cướp cuối cùng đều quy phục.

Bằng tinh thần từ bi đó tôi đã học ở Phương Đông bài học không hận thù, không đối nghịch. Sau này tôi trở thành đại ca ở khu vực tôi ở, tôi mở lớp dạy võ không lấy tiền cho trẻ em nghèo, giúp đỡ người cô quạnh, và bảo vệ an ninh cho khu vực chung quanh. Tôi đã đi theo con đường sư phụ Lim chỉ dạy, nếu không có ông ấy không biết tương lai tôi sẽ ra sao. Ngừng nói, Lee trao tôi tấm danh thiếp và hẹn gặp lại, anh đứng lên trở vào phòng làm việc.

Tôi bước trở lại khu vườn điêu khắc, ánh nắng ban trưa rọi qua kẽ lá lung linh đốm sáng như nhảy múa trên những hình tượng xinh đẹp. Một vệt nắng chiếu trên vạt áo Đạt Ma, tôi thấy như ngài đang khoan thai đứng dậy thả một bề lau vượt không gian và đưa bàn tay cứu vớt những người đang rơi trên dòng sông đầy sôi động của một thành phố lớn nhiễm quá nhiều bạo lực này.

Và kìa ngài quay lưng lại đang chậm rãi bước lên bờ của khu vườn thơm ngát hương và gió thổi một trận mưa hoa rơi đầy mặt đất.

Nhã Lan Thư

---o0o---

KHU VƯỜN DƯỢC VƯƠNG

Nhã Lan Thư

Bạn tôi là người da đỏ Navajo, cô ta trông rất giống người Châu Á, với đôi mắt đen to long lanh và nụ cười e lệ trên môi. Tuần lễ đầu khi tôi dọn vào nội trú của trường đại học, đứng trong hàng để vào phòng ăn, bỗng tôi nhìn thấy ở phía trước một mái tóc đen huyền rất bắt mắt và một dáng người thanh thanh. Khẽ mừng thầm là có một người bạn Châu Á (có thể là người Việt không biết chừng?). Tôi chú ý xem cô ta ngồi ăn ở bàn nào, sau khi đã lấy đĩa đồ ăn và đổ cho mình một ly nước nóng để làm trà, tôi bung khay về phía bàn của cô ta, đặt khay xuống tôi tự giới thiệu và được biết cô ấy tên là Sarasvati (a goddess of learning, vị nữ thần của tri thức), một cái tên rất lạ. Cô ta ăn rất nhỏ nhẹ và trong tĩnh lặng. Tiếp theo lần gặp gỡ đó, chúng tôi trở thành bạn, lấy cùng một lớp học về tôn giáo Đông phương

(Asian Religious). Arasvati rất ham học và đặc biệt chọn thư viện làm chỗ ở thường xuyên thay vì quay lại phòng của mình. Có lần cô ta bị cảm, tôi thấy Arasvati tự làm cho mình một ly trà nóng từ một nắm húng pha với vài muỗng mật ong, thấy tôi nhìn tò mò, Arasvati chỉ mỉm cười và cho biết đó là cách trị cảm của bộ lạc cô ấy.

Đầu hè đã về, chúng tôi xong một năm học nhiều cố gắng, Arasvati rủ tôi về nhà cô ấy chơi, tôi rất hứng khởi xách ba lô về nhà cô ở tiểu bang Colorado. Nhà của Arasvati ở trên sườn núi xung quanh là đồi thông xanh ngắt với một mảnh vườn rộng vài mẫu. Gia đình Arasvati là một trong số ít người Navajo sống ở ngoài khu tự trị của họ (reservation land) và là những người da đỏ cấp tiến. Bố của Arasvati là bác sĩ cho một bệnh viện người già và mẹ của cô ta làm việc tại nhà với nghề bán thảm dệt bằng tay qua báo quảng cáo (catalog), và làm thiện nguyện đi thăm viếng những người già cô đơn hay phụ nữ cơ nhỡ.

Tối hôm đó tôi được đãi một bữa cơm ngon tuyệt vời với lúa trời (wild rice), đây là loại gạo mọc thiên nhiên ở vùng ven sông Minnesota khu tự trị của người da đỏ Ojibwa, lúa này được gọi là Manoomin, hàng năm đến mùa gặt thiên nhiên, người Ojibwa đi xuồng độc mộc với con trai đã làm lễ trưởng thành, mang theo một khúc gỗ ngắn độ bốn gang tay gọi là knocker, họ vừa chèo vừa đập lúa để những hạt lúa chín rơi vào khoang thuyền, việc làm này có ý nghĩa là một phần lúa rơi ra ngoài để dành cho những con vịt trời và cá được hưởng lộc trời, đây là tinh thần san sẻ nguyên thủy của con người, phần lúa rơi ra ngoài để dành sang năm lúa sẽ mọc lại. Loại lúa trời này hạt rất dài gấp ba hạt lúa thường, màu đen nâu, nấu chín ăn ngon như vị của hạt dẻ pha hạt điều (các loại nuts), một chén cơm này rất quý bổ đầy đủ các chất dinh dưỡng, nhất là chất thiamin rất cần cho sự hồi phục tế bào óc, và rất nhiều dương tính. Người da đỏ rất gìn giữ truyền thống của họ, gồm cả múa cầu đảo mưa gió, sống gần thiên nhiên. Ngoài ra trong bữa ăn tôi còn được ăn sáu bảy loại rau sà lách trộn với bông hẹ dại màu tím vừa thơm vừa đẹp.

Mẹ Arasvati pha trà với kim ngân hoa tươi (honey suckle) hái bên bờ đậu sau nhà tỏa thơm dịu dàng, sau đó bà dẫn tôi đi thăm phòng làm việc của bà, nơi có những tấm thảm dệt tay với các hoa văn là ngôn ngữ của người Navajo, nhưng thật bất ngờ tôi thấy cả những tấm dệt hình hoa sen và hình đức Phật Dược Sư (the healing Buddha), theo truyền thống Mật Tông. Thấy tôi chăm chú nhìn, bà hỏi tôi có biết là hình vị phật nào không, cũng may lúc trước tôi có thuyết trình về Đức Phật này nên có thể nhận ra dễ dàng. Bà cho biết khi còn đi học do một nhân duyên bà gặp một người bạn Mông Cổ

đã giúp bà vượt qua những nỗi buồn bất tận luôn hiện diện trong tâm, làm bà thường hay đau đầu và bị khủng hoảng. Người bạn ấy giúp cho bà cầu nguyện Đức Phật Dược Sư và tìm hiểu về duyên nghiệp của kiếp người. Bà đi theo đạo Phật từ đó, bà cho tôi biết giữa tôn giáo Kim Cang thừa và truyền thống người da đỏ Navajo có những điểm tương đồng nhau, ngay như nghệ thuật vẽ bằng cát (sand painting) của các thầy thuốc (medicine man) của Navajo với cùng quan điểm về các mạn đà la của các Lạt Ma khá giống nhau. Để cầu nguyện đem đến điềm lành hay chữa bệnh, người Navajo cũng dùng cát đủ màu để vẽ trên mặt phẳng lớn như các Lạt Ma vẽ những mạn đà la để cầu nguyện trong những buổi lễ quan trọng. Bà ta tin rằng trong giòng máu người da đỏ có cội nguồn Phương Đông, mà từ hàng triệu năm trước tổ tiên họ đã một lần vượt eo biển mà vào Châu Mỹ.

Sáng hôm sau khi trời còn mờ, khi làn sương sớm còn giăng phủ trên ngọn thông xanh mượt bạt ngàn phía xa, tôi bước ra hiên sau để hít thở hương thơm của núi rừng Colorado thì tôi nghe tiếng chuông thanh thoát và lời cầu kinh từ căn phòng ở chái bên kia. Tôi đứng lặng im lắng nghe âm thanh trầm bổng nhẹ nhàng xen lẫn tiếng chuông rung lên như thức tỉnh hồn người về một cõi giới huyền diệu nào chợt hiện hữu giữa cõi đời chiêm bao ngắn ngủi. Trong khi tôi đang mơ màng nghĩ đến cung điện cổ xưa với mái ngói vàng chói và những vòng xe pháp quay liên hồi bởi những cụ gi với niềm thành tín sâu xa ánh lên trên những nét nhăn nheo hiện hữu và sức chịu đựng vô biên của kiếp người thấu hiểu những nghiệp duyên khốc liệt mà con người phải chịu đựng từ khi cất tiếng khóc chào đời cho đến ngày quay trở về ngôi nhà chân như của mình.

*Trắng răng đến thươ bạc đầu
Tử, sinh, kinh, cụ làm nau mấy lần?
(Cung oán ngâm khúc)*

Hay là:

*Nào ngờ trăm năm mộng
Cuộc đời hóa chiêm bao
(Hòa Thượng Thích Giác Toàn)*

Arasvati đẩy cửa lưới bước ra, cô hỏi tôi đang nghĩ gì, tôi kể cho cô nghe về sự suy tư của tôi, nghiêm trang cô khẽ khàng nắm tay tôi đi về căn phòng cuối hàng hiên. Đẩy nắm cửa cô dắt tôi vào xem phòng thờ của gia đình, trên một khay đồng lớn để giữa nhà tôi thấy hình Phật Dược Sư được tạo ra

bằng cát màu, và trên bàn thờ, hai cây nến trầm to màu nâu được thấp sáng, một bình lá thông tươi cắm lẫn với hoa đồng cỏ nội làm tươi sáng một góc phòng. Trên cao giữa bàn có một tượng Phật đội kim mào đang ngồi kiết ấn. Arasvati kể hai năm trước gia đình cô đi hành hương về Lasha và cô cảm nhận được sự hội nhập về biên lớn của cội nguồn tâm linh. Cô đã đi xem những buổi lễ cúng dường bằng những điệu múa, cô thấy những nét gần gũi qua vũ điệu tuy hình thức có khác nhưng sự thân quen của ngôn ngữ vô hình gọi cô nhớ lại những ngày xưa bé cô theo gia đình về dự lễ cầu mưa tổ chức hàng năm ở Arizona. Cô thấy những vũ điệu như quay cuồng nhập lại và rồi thì nở thành những cánh hoa của duyên khởi tiếp nối nhau nảy sinh vô tận.

Arasvati kể về những câu chuyện cổ tích (folk tales) của người da đỏ, về những con ếch nhảy ra làm chúa tể khi chúng gặm lên thì trời chuyển mưa và mùa xuân trở về, lúa gạo nảy mầm và rồi thức ăn đầy bờ cho dân tộc Navajo vui mừng ca hát. Câu chuyện cô ta kể sao quá thân thương như câu chuyện con cóc là cậu ông trời của người Việt. Chúng tôi vừa ngồi xuống bọc thang gỗ vừa kể cho nhau nghe về văn hóa dân tộc mình, trong một không khí khác tuyệt vời chúng tôi quên đi những dị biệt về ngôn ngữ, về văn hóa, tôi thấy như có một sợi dây vô hình thiêng liêng nào đó từ một tiền kiếp xa xôi đang từ từ nối lại.

Arasvati hỏi tôi có biết nhiều về các loài rau thuốc (herbs) khác nhau không?

Tôi cười và cho cô ấy biết ông ngoại tôi là một thầy thuốc nam tài tử, gia đình tôi cũng chuyên dùng cây cỏ trong việc trị liệu hàng ngày.

Arasvati sáng mắt lên, cô bảo tôi phải đi thăm khu vườn Dược Vương (healing garden) của mẹ cô ta, chúng tôi lần theo những bậc thang đá thoải thoải, dọc sườn dốc tôi thấy xen kẽ giữa những tảng đá rất nhiều cụm cỏ thơm, mẹ của cô ta đã cẩn thận cắm những bảng tên, có những cụm cúc Nhật trồng lấy hoa uống trà cho sáng mắt, có cả giống cúc chamomile cúc trắng uống để trị bệnh suy ruột. Arasvati hành diện dẫn tôi đến cụm vườn chuyên trồng những loại cây trị mụn nhọt và ung thư. Tôi thấy cây bồ công anh lá dài xanh mượt đơm dày hoa vàng óng ả, Arasvati bật mí cho tôi biết chén salad hôm qua được trộn lẫn lá rau này. Cô cho biết để ngăn ngừa mụn nhọt các Lạt Ma trên núi đã dùng rau này ăn trong các tháng hè và họ thường không bao giờ phải lo âu về các chứng ung thư, cô cho biết cây này có thể trị bệnh tiểu đường. Tôi thấy giống cây Lô hội (aloe vera) lá dài cả ba hay bốn gang tay màu xanh nhạt, có giống nhỏ hơn chừng gang tay lá tròn xanh đậm và có những đốm trắng. Cô cười nói đây là loại cây màu nhiệm vừa trị

ung thư vừa dùng cho sắc đẹp, mẹ cô dùng để căn da mặt và làm nước mát để uống. Tôi nhớ có lần có cô bạn bị bỏng bởi ly cà phê nóng, Arasvati đã nhanh nhẹn chạy về phòng mình lấy một nhánh lá cây lô hội làm kiềng trên bàn học, cắt ra và bôi lên tay cô bạn, lập tức vết thương mát ngay và không làm rộp nước. Các bạn Mỹ rất phục tài cô ấy từ phong cách từ tốn, chăm sóc, lắng nghe, đến giúp đỡ ngoại khoa v.v..., chủ trách cô ta là trưởng nhóm của khu nội trú A. Phòng của Arasvati rất nhiều cây kiềng dùng để làm thuốc có cây thơm trị côn trùng, mà các bạn xin nhánh về trồng cho thơm phòng.

Tôi ngạc nhiên thấy cả vùng rau má xanh mát (penny wort) lá to dày bằng lòng bàn tay tôi cũng mọc nơi đây. Rồi khu vườn húng với cơ man các loại húng khác nhau, loại có mùi thơm của chanh (lemon mint), húng chữa bệnh nhức răng (lemon balm), húng mùi thơm của trái thơm (pineapple mint) rất dễ thương có loang đốm trắng, rồi húng màu nâu (chocolate mint), rồi húng trồng trong nước để trị vết cắn của muỗi hay các loại bọ (insect biting), vv...và vv... Tôi thấy rất nhiều giống hồng tường vi đang đơm đầy nụ dọc theo hàng rào vây quanh sườn núi, Arasvati nói mẹ cô ta trồng hoa lấy nụ hồng cho bệnh nhân cao áp huyết (high blood pressure), và đến cuối mùa thu khi những bông hoa còn lại đơm trái nhỏ được dùng làm mứt mật (jam) quét trên bánh mì nướng để thêm vitamin C dùng chống cúm lạnh. Thật thú vị khi cô ta dẫn tôi thăm khu vườn xà lách với hơn bốn mươi loại, có cả giống hành Ai Cập (Egyptian walking onion) mà củ mọc ngược trên đầu, ngoài ra có một đám hành tây môn môn, Arasvati dạy cho tôi về công dụng kỳ diệu của củ hành tây, mẹ cô có một người bạn được sỹ Pháp, dân gốc từ vùng hái nho làm rượu kể rằng trong các vườn nho rất nhiều giống ong và dân đi hái nho thường bị ong chích, mỗi lần như vậy họ cắt đôi củ hành nhai sống và nhỏ ngay vào vết ong chích chỉ sau vài phút là vết sưng xẹp ngay, vì ngòi ong đã bị hút ra ngoài, không có một loại thuốc kháng sinh nào cho ong chích tốt thân sâu như vậy, vì bản thân cô bé Arasvati từng với lên giàn nho và bị ong bầu (bumble bee) vằn vện chích sưng mặt mũi, thường là sau tiếng hét thất thanh của cô là mẹ cô chạy vội vào bếp áp dụng phương pháp trên để cứu cô. Chúng tôi bước đến vườn ớt đủ màu xanh đỏ tím vàng trắng cam từ trái hình dài, tròn, hình chuông, lớn nhỏ đủ loại, cho tới cuối vườn nơi dàn nho bên chiếc băng ghế đơn sơ làm bằng khúc cây cắt ngang, có phiến đá nhẵn bóng khắc lời nguyện của Đức Dược Vương:

- Nguyện khi ta chứng đạo Bồ Đề, chúng sinh có ai lo sợ yếu đau, nghèo đói cô đơn, hệ quả danh hiệu ta thì được no đủ an lành.

Arasvati cháp tay lại lắng nghe tiếng chim hót lạnh lót trên bờ rào bên cạnh, cô thì thầm:

-Mẹ tôi rất thích lời nguyện này, bà thường ra đây ngồi tĩnh tâm, đọc lời nguyện này mong cầu gió sẽ mang đi muôn phương lời từ bi cho những người hay vật hữu duyên còn đang chìm trong đau khổ sẽ mau tỉnh thức mà quay về an trú trong hào quang của chư Phật.

Một trận gió mát lạnh thổi qua mang mùi hương cây cỏ cũng như tấm lòng đơn thuần của gia đình Arasvati qua đỉnh núi bên kia, tôi thấy những đám mây trắng bồng bênh trên không đang từ từ hợp lại như một đóa sen ngàn cánh giữa nền trời xanh thẫm mầu, hy vọng một ngày mai nhân loại sẽ cùng nhau trồng rất nhiều những khu vườn dược thảo để trái đất này hồi sinh trở lại với tiếng của ngàn sinh linh bé nhỏ cùng hoà lên bản nhạc từ bi.

---o0o---

LỜI THIỀN CỦA ĐÁ

Nhã Lan Thu

Cuộc triển lãm 2002 về nghệ thuật thưởng đá được coi như là “Thạch Pháp” của giới nghệ sĩ và dân thưởng lãm của vùng thủ đô Hoa Kỳ diễn ra trong khu vườn nghệ thuật và tài trợ bởi hội Bonsai quốc gia (National Bonsai Foundation), qua ngân quỹ của M. E. MRose. Lần đầu tiên quy tụ hơn 150 nhà văn nghệ sĩ trí thức từ bốn lục địa đổ về. Một cuộc hội thảo đặc biệt về nghệ thuật thưởng ngoạn đá của Nhật (Sansuiseki-mountain and water stones) được trình bày bởi Hideo Marushina và “đá Kỳ Thạch”(Chinese scholars rocks) của Trung Hoa bởi Robert Mowry. Thật là một đề tài nghệ thuật đặc sắc của hai nền mỹ thuật tuyệt vời của phương đông.

Tôi còn nhớ ông Hideo mở đầu đề tài bằng một bài thơ của thiền sư Muso:

*The mountain soars high without causing a fleck of dust
The waterfall in the valley flows forcefully though there is no drop of water
On a breezy night with a bright moon, he enjoys an “imaginary play”*

*Zen monks call this imaginary play kami-asobi (play of god or spiritual play).

Tạm dịch là;

*Núi thì vượt cao không dính một bụi trần
Suối trong thung lũng thì chảy mạnh mà không dính một giọt nước
Vào một đêm trăng thanh gió mát, người ngồi đây thưởng thức giấc mộng
tiên*

* Các thiền sư Nhật gọi Kami-asobi là “kịch của các tiên hay thần linh”.

Bài thơ này làm tôi nhớ đến bài thơ của Hàn Mặc Tử:

*Ai hãy làm thình chớ nói nhiều
Để nghe dưới đáy nước hồ reo
Để nghe tơ liễu run trong gió
Và để nghe trời giảng nghĩa yêu*

Đang suy nghĩ vẩn vơ thì trên màn ảnh ông Hideo trình bày một số quan điểm về Bonsai Jittoku (Những lợi ích của nghệ thuật Bonsai) được viết ra từ năm 1772 như là:

- Anh có thể hiểu được sự trang trí đúng vị thế ở đền thờ.
- Anh có thể thưởng thức nghệ thuật bốn mùa vào mọi thời điểm.
- Anh có thể tạo ra những cánh rừng mà anh tự mình làm chủ nhân (nghệ thuật tạo cảnh rừng trong bonsai).
- Anh có thể cảm nhận cảm giác mát lạnh trong khí trời nóng.
- Anh có thể nhìn thấy núi và biển ngay tại sát na này mà không cần di chuyển.

Sau đó thì đề tài chuyển qua “Thạch Pháp” của đá kỳ thạch là nghệ thuật chơi đá của giới học giả Trung Hoa bắt đầu từ nhà Đường (năm 618-907), qua nhiều thời đại của nhà Tống (960-1279), đến Nguyên (1279-1368), Minh (1368-1644), Thanh (11644-1911) và cho tới ngày nay sau cuộc mở cửa của Trung Hoa lục địa thì nghệ thuật “Thạch Pháp” hồi sinh qua các tầng lớp trí thức của Đài Loan, Singapore, Hồng Kông... và lan dần qua Âu Mỹ.



Những nhà trí thức phương đông yêu chuộng đá và mang những tảng kỳ thạch chung bày trong thư phòng của họ (người Trung Hoa đã nhân cách hóa đá và mang đá lên ngang hàng với kẻ sỹ cao quý). Sự khác biệt của ngôn ngữ về đá của Nhật và Trung Hoa là một bên Nhật thưởng thức đá như một nghệ thuật về cảnh quang núi non, sông hồ (mountain and water stones). Trong khi Trung Hoa gọi là Wen fang yashi (nét cao quý của đá trong thư phòng), đá được coi là tứ bảo trong nghệ thuật thư phòng của kẻ sỹ thời xưa. Những văn nhân quý tộc ngưỡng mộ hình dáng và đặc tính của đá thể hiện qua nhiều họa phẩm danh tiếng của Trung Hoa, mà Liang Juitu của thế kỷ thứ mười chín đã cho rằng:

- Nếu một tảng đá mà không nói lên được sức sống động của thiên nhiên thì đó là không phải tảng đá mà anh chọn.

Trong giới học giả thì đá Thái Hồ được yêu chuộng từ đời Đường, những đặc tính của đá bao gồm hình dạng, vẻ dáng bề ngoài, sự gồ ghề, nhọn sắc, hay các nếp đá, vẻ mịn màng phẳng lặng, cùng âm thanh vang vọng như trong một bài thơ thiên của Nhật:

*Lặng thinh qua mấy tầng không
Lời ve gỏ thấu vào lòng đá xanh*

Đề tài của đá ngày hôm đó vô cùng sống động, đã mang đến cho các học giả phương tây một cái nhìn mở rộng hơn về triết lý phương đông, mờ mờ ảo ảo như một vàng trắng, âm thầm bất khuất như linh hồn của đá hay đẹp nào nùng như một cảnh mai nở đỏ giữa cảnh đông hàn lạnh buốt.



Giờ còn lại, buổi chiều là đi tham quan thưởng thức những dạng đá khác nhau trong những khay cắm thạch trải cát mịn trắng. Kia sừng sừng một hòn núi đen bóng, nhưng mềm mại mà bí mật như một lời kêu gọi từ thớ khai thiên lập địa của nguồn gốc con người được đặt tên Black Hole - Hố Đen (theo lý thuyết của Stephen Hawkins). Một hòn đá khác nhiều nếp nhăn uốn khúc như một con rồng (Dragon Stone) làm tôi liên tưởng tới lịch sử con rồng cháu tiên của Việt Nam. Một hòn đá có những vệt trắng như thác chảy từ trên núi cao đẹp lạ lùng (Zan-Setsu or Unmelted Snow) là sự pha trộn thiên nhiên của dạng thủy chính lẫn trong đá. Và kia một rừng núi lởm chởm đầy nguy hiểm (Ken-Zan or Rugged Mountains).

Một tảng đá Lingbi của Tàu có tiếng vang trong trẻo như lời ca thờ khai thiên lập địa đưa con người hướng về cội nguồn tâm linh tỏa ra linh hồn đá qua sự sanh diệt hàng triệu triệu năm. Một tảng đá có hình dạng một cụ già tay áo phát phơ đứng đầu ngọn gió mang tinh thần kẻ sĩ mỏng manh nhưng bất khuất, cô độc nhưng ngạo nghễ. Rồi ở trên một chân gồ Long Nảo là một tảng đá Sóng Cuộn (Rolling Peaks) với những vòng cong thiên nhiên như những đợt sóng dồn dập, mạnh mẽ như tiếng gầm của đại dương. Còn những hòn đá dạng thiên nhiên như những bông hoa cúc, có tảng đá tím ánh và lấp lánh như sao sa trong màn đêm sa mạc Gobi (Gobi Stone) v.v và v.v..

Cũng trong lần thưởng lãm đá đó tôi được biết Adel, ông ta là một kiến trúc sư người Đức, là một con người nho nhã lịch sự, ông thích chia sẻ kiến thức về đông phương trong nghệ thuật thiết kế. Ông kể cho tôi nghe có lần một kiến trúc sư người Trung Hoa tìm đến học một vị danh sư kiến trúc nổi tiếng bậc nhất của Âu Châu thì được ông ta cho một lời khuyên nhã nhặn là ông ấy nên trở về học nghệ thuật phương đông cội nguồn văn hóa của ông ta cho kỹ vì trong đó biểu hiện một sự sáng tạo bất tận mà không ngừng biến hiện theo lý thuyết âm dương. Lời khuyên của bậc thầy này đã tác động lên tâm tư ông Adel, là một người Đức rất kiêu hãnh về dòng máu thông minh của mình đã khiến ông vừa tò mò vừa muốn chứng thực là lời khuyên ấy có xác

thực không. Từ ngày đó ông bắt đầu học về đông phương, ông qua Nhật học, càng học ông càng thích thú, niềm đam mê về một vẻ đẹp thanh khiết, kín đáo của nội tâm tỏa ra trong sức sáng tạo bền bỉ nhưng không kém phần lôi cuốn luôn luôn để một khoảng không cho một sự biến đổi nhất định phải có của kinh dịch.

Lần đi thưởng lãm đó cho tôi một bài học về lòng yêu thiên nhiên mãnh liệt, tôi đã học cái nhìn thấy đá không phải là đá đó. Tôi đã có những giờ phút bình yên nắm trong tay một hòn đá, yên lặng để nghe từ trong đáy hồn tiếng chiêng trống cồng của tiên nhân xa xưa.

Bảng đi một thời gian vài năm sau, một nhân duyên khác đến, đưa tôi gặp lại kiến trúc sư Adel, từ xa trong đám đông, ông đã nhận ra tôi, như người thân lâu ngày gặp lại ông mừng rỡ chạy về phía tôi, sau khi bắt tay thăm hỏi, ông mời tôi đi ăn tối vào lúc sáu giờ vì ông có một chuyện muốn nói cho tôi nghe.

Chúng tôi gặp nhau trong một quán ăn ở phố Tàu Nữ Ước, trong khi chờ nhà hàng nấu những món ăn chay như lời ông yêu cầu, ông mỉm cười hóm hỉnh:

- Tôi không muốn mang nợ những con vật mà tôi đã ăn họ, vì thế tôi đã thay đổi cách ăn trong vài năm sau này.

Ông nhắc lại lần nói chuyện với tôi khi trước:

- Tôi rất nhớ, kỳ đó bạn khuyên tôi nếu muốn tiến sâu trong mỹ thuật và triết học đông phương, tôi cần học thêm về tôn giáo Á Châu. Nhưng lúc bấy giờ tôi không chú ý vì với tôi, một người theo Tân Giáo rất khó cho tôi tìm hiểu một tôn giáo Á Châu huyền bí khó hiểu phủ đầy hương khói trong những ngôi đền cổ xưa với rất nhiều những tượng thờ kỳ lạ.

Thời gian sau này tôi có một cô bạn gái người Nhật, nhưng cô cũng chẳng giỏi gì hơn tôi về tôn giáo của cô.

Nhưng một cơ duyên đưa đến cho tôi thành phố New York dự trù làm một công viên đá của phương đông và dĩ nhiên tôi là người kiến trúc sư được chỉ định cho dự án này. Thế là tôi moi lại đám hồ sơ của ngày triển lãm mấy năm trước, tôi và cô bạn bay về Nhật đi xem các đền đài, chúng tôi thăm khu vườn thiên của đá, xem các nhà sư thay đổi vị trí của đá và nghệ thuật cào cát.

Vào một buổi chiều, sau khi đi thăm một thắng cảnh cổ xưa của Kyoto, lúc về chúng tôi đi ngang một ngôi chùa xưa nhỏ nằm nép bên sườn núi. Bỗng dưng như có điều gì thúc đẩy chúng tôi bước vào chùa, chùa Nhật thường rất vắng và yên tĩnh, chúng tôi cứ tự nhiên men theo lối đá phủ đầy rêu xanh ra sau vườn, có một không gian xếp đầy những tượng bằng đá nhỏ khoác những bộ áo trẻ con đầy màu sắc, giữa đám tượng đó trên một bệ cao hơn có tượng một Bồ Tát nét mặt trẻ thơ đang im lặng nở một nụ cười. Đang lúc chúng tôi ngắm nhìn, thì hình như những tượng kia bỗng dưng lao xao và có một đũa nhỏ chạy về phía Miko với đôi tay bé như đang vẫy gọi. Trong lúc tôi giật mình sững sốt thì Miko bật kêu thất thanh, trong một giây phút hình ảnh đó biến mất để lại ánh chiều chiếu rọi lên tượng của đức Jizo (Địa Tạng Vương Bồ Tát), sau này tôi mới biết ngài là vị Bồ Tát bảo hộ cho vong linh những trẻ thơ bé nhỏ. Miko bỗng ngồi xuống khóc nức nở, tôi quá bối rối hết lòng an ủi cô bạn, có lẽ ánh chiều tạo nên một ảo ảnh như vậy. Tôi cố trấn tĩnh mình và tin có lẽ cả hai chúng tôi đều hoa mắt. Nhưng Miko bảo với tôi cô rất buồn, hình như đũa bé ấy là thật, hình như nó muốn nói với cô điều gì.

Trở về Mỹ, mọi chuyện chờ tôi trên bàn làm việc, quá bận rộn tôi quên đi câu chuyện ở Nhật. Một chuyên viên thiết kế giới thiệu tôi tới một công ty Á Châu có nhiều những hòn đá đặc biệt mà anh ấy nghĩ rằng tôi sẽ thích thú tìm hiểu. Sáng thứ bảy tuần đó, chúng tôi làm cuộc hẹn với người giám đốc để đến xem đá, ban đầu người giám đốc công ty từ chối vì lý do anh có vị thầy từ Đài Loan qua, anh muốn dành thì giờ cuối tuần cho việc tiếp đón vị sư phụ. Sau cùng vì tôi nói lên sự cấp bách của dự án, tôi cần tìm ngay vật liệu phù hợp và hoàn tất đúng hạn kỳ. Anh bằng lòng gặp chúng tôi vào tám giờ sáng và chỉ hạn chế trong một tiếng đồng hồ thôi. Đúng tám giờ chúng tôi đến công ty và người giám đốc đưa chúng tôi đi xem đá phía sau công ty. Anh cho biết sau khi tiếp chúng tôi, anh và vị thầy sẽ đi lên núi để xem phong thủy cho một người bạn. Thật là một điều lý thú, phong trào phong thủy nở rộ lên ở bên Mỹ như một môn học về môi trường sống của người Trung Hoa mà người Âu Mỹ bắt đầu nhìn thấy những khía cạnh thực tiễn trong đó nhằm đem lại cân bằng cho môi trường sống và làm việc. Tôi mở lời nói với anh, tôi thật sự thích thú muốn được gặp một vị thầy phong thủy chuyên nghiệp. Anh ta nghiêm nghị nhìn tôi nói từng tiếng rõ ràng:

- Thầy tôi là một pháp sư của Lão giáo, ông không phải là một người thường làm nghề phong thủy. Nếu ông muốn gặp hiện giờ thầy tôi đang có mặt

trong văn phòng của tôi. Thật là một cơ hội tốt, tôi muốn được hỏi vài điều về phong thủy và cách xếp đá của người Trung Hoa.

Người giám đốc đưa tôi vào văn phòng, vị pháp sư đã hơn bảy mươi tuổi nhưng ông trông rất trẻ như người ngoài năm mươi, tóc ông còn đen bóng, và một phong cách của một người Trung Hoa xưa, ông nắm tay vái chào, chúng tôi cũng vội vàng đáp lễ lại. Sau khi nghe người giám đốc thông dịch câu hỏi của tôi, ông mỉm cười trả lời:

- Người tây phương các ông cần thêm thời gian để nghiên cứu một môn học rất khoa học của chúng tôi là môn phong thủy. Con người cần sống hạnh phúc và cân bằng giữa lý thuyết âm dương, đó là con đường của đạo (Tao). Không thể nào mà tôi có thể bao gồm một nền triết thuyết mấy ngàn năm trong vài phút.

Rồi ông thong thả nhìn qua Miko với một ánh mắt vô cùng từ bi, ông nói:

- Nhưng tôi có thể nói cho cô bạn của ông là cô ấy có một người anh em đã mất khi còn rất nhỏ, người đó đã theo cô suốt một thời gian dài và mong muốn cho cô biết về sự hiện diện của người ấy.

Miko bật lên lời phản đối:

- Nhưng tôi là đứa con duy nhất trong gia đình. Tôi chưa từng bao giờ có anh em nào khác cả.

Vẫn bằng một ánh mắt thương xót, vị thầy từ tốn nói:

- Tôi chỉ biết là cô có một vong linh trẻ nhỏ hiện giờ đang ở bên cô và họ rất cần sự cầu nguyện, sự nhận biết và cảm thông nơi cô.

Miko giận dữ đáp:

- Tôi đã nói tôi là người con duy nhất trong gia đình, ông có làm không?

Sau đó làn không khí trở nên gượng gạo, người giám đốc ngưng ngưng đưa chúng tôi ra cửa, nhưng tôi vẫn kịp nhìn thấy nụ cười cảm thông phảng phất trên khuôn mặt vị pháp sư.

Hôm đó Miko kém vui, cô trầm tư cả ngày, cho đến khuya cô bật dậy gọi

điện thoại về Nhật cho cha cô, tôi chỉ nghe thấy tiếng kêu thảng thốt của cô qua cuộc điện đàm. Sau cùng cô cúp máy ngồi bất động và nước mắt đầm đìa trên khuôn mặt, tôi đem cho cô một ly nước lạnh và khăn mặt, xong lo lắng ngồi nhìn cô. Mãi một lúc sau, Miko kể cho tôi nghe, lời vị pháp sư ban sáng đã khuấy động tâm tư cô, vì thế cô quyết định gọi về cho cha cô để hỏi:

- Con có người anh em nào mất khi còn nhỏ không?

Cha cô thảng thốt hỏi:

- Ai đã nói cho con biết?

Cô nói:

- Có một vị pháp sư đã nói vậy, ba có dấu con điều gì không?

Ở đầu máy bên kia ông cụ nghẹn ngào:

- Đúng vậy con có một người anh cùng cha khác mẹ, con người vợ trước của ta, bà ấy có bầu được hơn tám tháng thì bảy giờ chiến tranh thế chiến bùng nổ. Cả người vợ và đứa con trong bụng đã chết trong cuộc dội bom của quân đồng minh. Niềm đau khổ đó ta dấu kín, sau khi ta kết hôn với mẹ con, ta chưa từng bao giờ muốn nói cho con biết về chuyện đó, ta thành thật xin lỗi con.

Miko đã khóc cô ấy kể, khi cô còn bé có nhiều lần cô soi gương thường thấy hình một đứa bé nào trong gương mà không phải là cô. Lúc đó cô rất thích coi như là sự kỳ lạ của chiếc gương nhà mình, và cô giữ kín sự bí mật ấy như là trò chơi trẻ con, rồi sau này trong giấc ngủ cô hay có cảm tưởng như ai đó đang tìm cách cù vào chân cô. Cô thường thắc mắc không biết có phải là mình hay tưởng tượng không.

Sáng hôm sau Miko yêu cầu tôi gọi cho người giám đốc của công ty đá, cô muốn xin lỗi vì sự thất lễ của mình với vị pháp sư và cầu xin ông chỉ cho cách nào để có thể giúp đỡ cho người anh chẳng may chết sớm của mình. Người giám đốc tiếp điện thoại của tôi vui vẻ, anh nói:

- Tôi cũng rất lo là thầy tôi có thể sai lầm khi cô Miko cứ khẳng khẳng từ chối là không có anh em nào, nhưng thầy tôi vẫn nói:

- Rồi con sẽ biết, ta đã thấy đứa bé ấy bên cạnh cô ta.

Thật là sự bất ngờ cho cô Miko mà cũng là cho tôi. Sau khi nghe Miko yêu cầu sự giúp đỡ của vị pháp sư, người giám đốc bằng lòng tiếp chúng tôi lần nửa vào trưa chủ nhật đồng ngày. Khi gặp chúng tôi tại nhà của người giám đốc, vị pháp sư nhẹ nhàng khuyên Miko nên về Nhật tìm đến ngôi chùa nơi chôn cất người mẹ và người anh để xin một lễ cầu siêu cho họ, ông từ tốn bảo:

- Ta biết là anh của cô từ lâu đã được sự che chở từ Bồ Tát Địa Tạng, nhưng vì còn tính khí trẻ con nên đưa bé ấy khao khát một tình thương từ người em và nó muốn cô nhận biết sự hiện diện của nó. Nhưng từ bây giờ sau khi cô làm lễ cầu siêu ta nghĩ nó sẽ yên trí siêu thoát.

Tháng đó Miko bay về Nhật, cô và cha đã đến ngôi chùa nơi có mộ người mẹ trước và làm lễ cho họ. Thật là một sự trùng hợp, đó là tháng bảy lễ cầu siêu cho người chết và Đức Zizo theo truyền thuyết sẽ mở cửa địa ngục và những vong linh sẽ được xá tội. Miko đã đem viếng người mẹ một vòng hoa cúc trắng cùng một số đồ chơi của trẻ con.

Adel ngừng và nhấp một ngụm trà nóng, xong nói:

- Chính tôi một con người không bao giờ tin những chuyện gì không có luận cứ khoa học đã phải ngỡ ngàng trước những điều không thể chứng minh được, hình như cuộc đời luôn có một cái gì đó rất huyền bí mà ta không thể dùng lối suy luận bình thường. Từ ngày tôi đi cuộc dự thảo về đá, tôi thấy như có một điều gì mà tôi không thể chứng minh được sẽ diễn biến trong cuộc đời tôi. Tôi đã theo lời bạn tìm hiểu về tôn giáo đông phương, tôi đặc biệt chú trọng về Đức Bồ Tát Địa Tạng, ngài là người cai quản cõi đất này, ngài che chở giúp đỡ người quá vãng và những đứa trẻ nhỏ, cùng người tàn tật câm ngọng do tiền sanh. Lời đại nguyện của ngài là sự che chở bình an trên cõi đất nếu bất cứ ai hướng lòng cầu nguyện sẽ tiêu trừ tội khổ, chỗ ở thường an lạc, bệnh tật không đến thân thể, không bị tai nạn bất ngờ, và các thiên thần theo hộ trì.

Ông nhìn tôi rồi nói:

- Có lẽ bạn sẽ cho là một việc kỳ lạ khi một người phương tây như tôi lại hướng tâm thành tín vì tôi đã chứng thực từ bản thân những điều vượt ngoài khoa học ngoại trừ tâm linh.

Sau bữa cơm tối ông rủ tôi cùng đi bộ về công viên đá, chúng tôi đi trong một những thành phố đông dân cư nhất của quả địa cầu này. Gió chiều mát rượi thổi vi vu qua khu vườn đá với những hình thù khác nhau của núi đá thu nhỏ trên thềm sỏi trắng tạo cho người đang giữa dòng sống xoáy lốc một cảm giác yên tĩnh cần có, một khát vọng tìm về nơi chốn trong sạch để nuôi dưỡng tâm hồn đã quá mỏi mệt vì cạnh tranh của đời thường. Gió thổi qua đá lời kêu gọi tinh thức ngàn xưa như kẻ sỹ một sáng nào của kiếp xa xôi một mình một gánh lên non bỏ lại cõi trần bụi bặm mà hòa nhập vào đại thể bất diệt của vũ trụ. Gió vẫn thổi miên man lời thiên thu bất tận của đá, hãy về đây về lại nơi chốn cội nguồn nguyên thủy của chân tâm ngời sáng.

---o0o---

HẾT